

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2015

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên** : Nguyễn Hoài Anh

**Giảng viên hướng dẫn:** ThS. Đồng Thị Nga

**HẢI PHÒNG - 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ  
PHẦN ĐẦU TƯ HỒNG BÀNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : NGUYỄN HOÀI ANH**

**Giảng viên hướng dẫn: THS. ĐỒNG THỊ NGA**

**HẢI PHÒNG - 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Hoài Anh

Mã SV:1412401157

Lớp: QT1802K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Bàng.

# **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

## **1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp**

**( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).**

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Bàng.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Bàng.

## **2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.**

- Các văn bản của nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Bàng.
- Hệ thống sổ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Bàng, sử dụng số liệu năm 2018.

## **3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp**

- Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Bàng.
- Địa chỉ: Số 1, Lô 6, Khu tập thể PG, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Đồng Thị Nga

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Bàng.

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 24 tháng 12 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 05 tháng 04 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

*Người hướng dẫn*

**Nguyễn Hoài Anh**

**ThS. Đồng Thị Nga**

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2018*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị**

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP**

Họ và tên giảng viên: Đồng Thị Nga

Đơn vị công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Họ và tên sinh viên: Nguyễn Hoài Anh Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán

Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Bàng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Bàng.

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp**

Cần cù, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu cho bài viết và có tinh thần học hỏi  
Luôn viết và nộp bài theo đúng tiến độ quy định.  
Luôn chủ động và nghiêm túc trong công tác nghiên cứu.

**2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)**

Chương 1: Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng

công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể. Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi cao.

### **3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm .....*

**Giảng viên hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Đông Thị Nga**

**MỤC LỤC**

LỜI MỞ ĐẦU.....	3
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH .....	4
1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	4
1.1.1. Khái quát về doanh thu.....	4
1.1.2. Nguyên tắc hạch toán doanh thu.....	4
1.1.3. Phân loại doanh thu .....	5
1.2. Lý luận chung về chi phí .....	15
1.2.1. Khái niệm về chi phí .....	15
1.2.2. Một số quy định khi hạch toán chi phí.....	16
1.2.3. Các loại chi phí .....	16
1.3. Lý luận chung về xác định kết quả kinh doanh .....	24
1.3.1. Khái niệm.....	24
1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh: .....	24
1.3.3. Chứng từ sử dụng .....	24
1.3.4. Tài khoản sử dụng:.....	24
1.3.5. Phương pháp hạch toán .....	24
1.4. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	25
1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung .....	25
1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái .....	27
1.4.3. Hình thức Chứng từ - ghi sổ.....	28
1.4.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính .....	29
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HỒNG BÀNG.....	28
<b>2.1 Khái quát chung về công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng .....</b>	<b>28</b>
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển .....	28
2.1.2 Lĩnh vực hoạt động của công ty.....	30
2.1.3 Đặc điểm, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.....	31
2.1.4 Khái quát tình hình tài chính của Công ty Cổ phần đầu tư Hồng Bàng .....	33
2.1.5 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty.....	37
2.1.5.1 Cơ cấu bộ máy kế toán.....	37
2.1.5.2 Hình thức ghi sổ.....	39
2.1.5.3 Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.....	40
2.1.5.4 Tình hình vận dụng chế độ chứng từ kế toán .....	40
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng .....	41



2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng .....	41
2.2.2: Nội dung hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng.....	51
2.2.3: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	61
2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính tại Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng. ....	70
2.2.5: Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng.....	75
<b>CHƯƠNG 3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HỒNG BÀNG.....</b>	<b>82</b>
3.1. Đánh giá thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng.....	82
3.1.1. Kết quả đạt được trong công tác kế toán tại Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng.....	82
3.1.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tại Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng .....	84
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng .....	84
3.2.1 Mở thêm sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán. ....	84
3.2.2 Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại .....	88
3.2.3 Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán. ....	90
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>93</b>
1. Kết luận .....	93
2. Kiến nghị .....	93
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>94</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày nay, các Công ty phải cạnh tranh vô cùng gay gắt. Để tăng cường khả năng cạnh tranh của mình các Công ty phải tối ưu hóa hiệu quả các nguồn lực, vận dụng tối đa các chính sách, biện pháp kinh tế để thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào công tác tổ chức kiểm soát các chi phí, doanh thu và tính toán các kết quả trong hoạt động kinh doanh trong Công ty.

Sau thời gian thực tập ở Công ty Cổ phần đầu tư Hồng Bàng em thấy công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nó kịp thời góp phần tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh doanh đồng thời ảnh hưởng đến tình hình hiện thực tài chính của Công ty, giúp Công ty có cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình kinh doanh của mình.

Xuất phát từ thực tiễn đó nên trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần đầu tư Hồng Bàng em đã quyết định đi sâu nghiên cứu và lựa chọn đề tài ;” **Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư Hồng Bàng**” làm khóa luận tốt nghiệp.

Kết cấu bài khóa luận gồm 3 chương:

**Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong Công ty**

**Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ phần đầu tư Hồng Bàng**

**Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư Hồng Bàng**

Vì thời gian thực tập tại Công ty chưa nhiều, kiến thức thực tế còn hạn chế, em hy vọng những ý kiến trong bài sẽ đóng góp một phần nhỏ để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần đầu tư Hồng Bàng.

Em xin chân thành cảm ơn!

**CHƯƠNG 1:**  
**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ,**  
**XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

**1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

**1.1.1. Khái quát về doanh thu**

- Khái niệm:

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế Công ty thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

**1.1.2. Nguyên tắc hạch toán doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những Công ty nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì Công ty ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với Công ty thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

- Đối với trường hợp cho thuê hoạt động tài sản, bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

### ***1.1.3. Phân loại doanh thu***

#### ***1.1.3.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:***

a) Khái niệm:

\*\*\* Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và chi phí thu ngoài giá bán (nếu có)

Theo chuẩn mực kế toán số 14 doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hóa cho người mua.
- Công ty không nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

+ Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+ Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

b) Tài khoản sử dụng.

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

- Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118- Doanh thu khác.

c) Chứng từ và sổ sách sử dụng

Tùy theo phương thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ, sổ sách kế toán như sau:

- Hóa đơn bán hàng thông thường, Hóa đơn GTGT.
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, Ủy nhiệm thu, Giấy báo Có của ngân hàng).

Chứng từ liên quan khác: Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại, ...

Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các  
**+ Kết cấu TK 511**

<b>Nợ</b>	<b>TK 511</b>	<b>Có</b>
- Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911.		Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế công ty phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

**Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

- Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, có 9 tiểu khoản, trong đó sử dụng 3 tài khoản cấp 2 để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

+ Tài khoản 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp

+ Tài khoản 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt

+ Tài khoản 3333 – Thuế xuất nhập khẩu

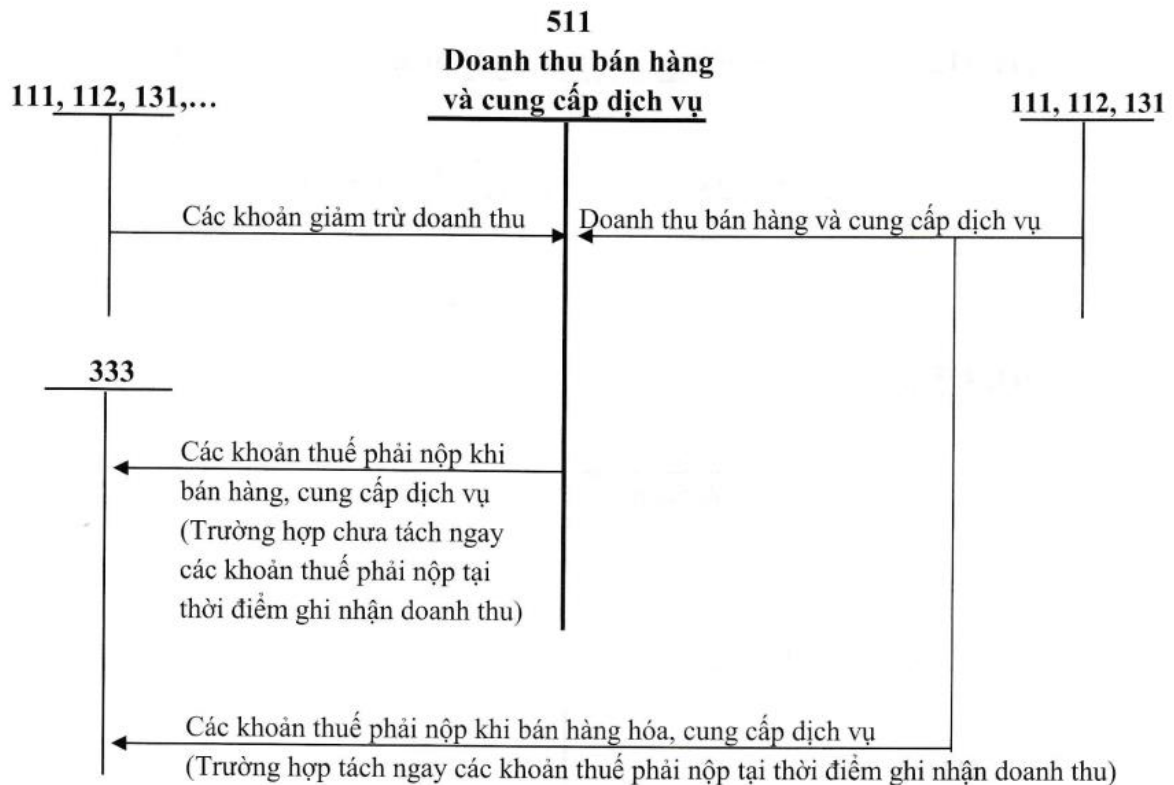
<b>Nợ</b>	<b>TK 333</b>	<b>Có</b>
- Số thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ.		
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước.		- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp.
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp.		- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.		
<b>Tổng phát sinh nợ</b>		<b>Tổng phát sinh có</b>

Số dư bên Có: số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

TK này có thể có số dư bên Nợ: phản ánh khoản thuế và các khoản nộp thừa vào ngân sách Nhà nước

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

**KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG, CUNG CẤP DỊCH VỤ**



Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1.3.2. Doanh thu hoạt động tài chính

a. Khái niệm:

\*\*\*Là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại, bao gồm: tiền lãi, cổ tức được hưởng, lợi nhuận chia từ hoạt động liên quan, liên kết, lãi chuyển nhượng vốn, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và các khoản khác.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận trên cơ sở:

- + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ
- + Tiền lãi bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

b. Tài khoản sử dụng:

\*\*\* Tài khoản sử dụng: Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính, dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của Công ty.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, ...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia:
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, liên doanh, đầu tư, đầu tư vào Công ty liên kết, đầu tư vốn khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Chứng từ sử dụng:

- Giấy bảo lãi, giấy báo có của Ngân hàng
- Bản sao kê của Ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác

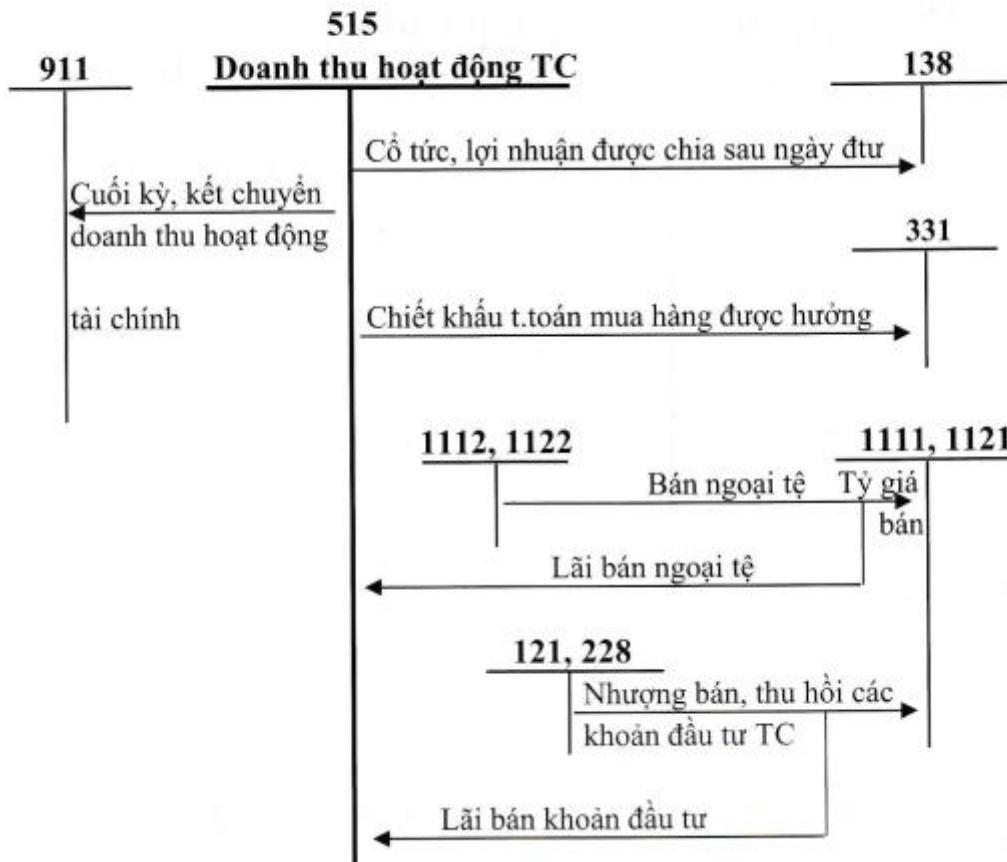
**a) Kết cấu TK 515:**

<b>Nợ</b>	<b>TK 515</b>	<b>Có</b>
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.		- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911.		- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết
		- Chiết khấu thương mại được hưởng lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ ....
<b>Tổng phát sinh nợ</b>		<b>Tổng phát sinh có</b>

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ



KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH



1.1.3.3. Các khoản giảm trừ doanh thu

a. Khái niệm:

\*\*\*Các khoản giảm trừ doanh thu như: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT phải nộp theo phương thức trực tiếp và thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu là cơ sở để tính doanh thu thuần và kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

- Chiết khấu thương mại là khoản tiền đã giảm trừ cho người mua hàng do việc người mua hàng mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm hàng hóa Công ty đã xác định tiêu thụ, đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện

đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

- Giảm giá hàng bán là khoản tiền Công ty (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn... đã ghi trong hợp đồng.

-Thuế GTGT phải nộp (Theo phương pháp trực tiếp): Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với Công ty chưa tính thuế GTGT sẽ xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

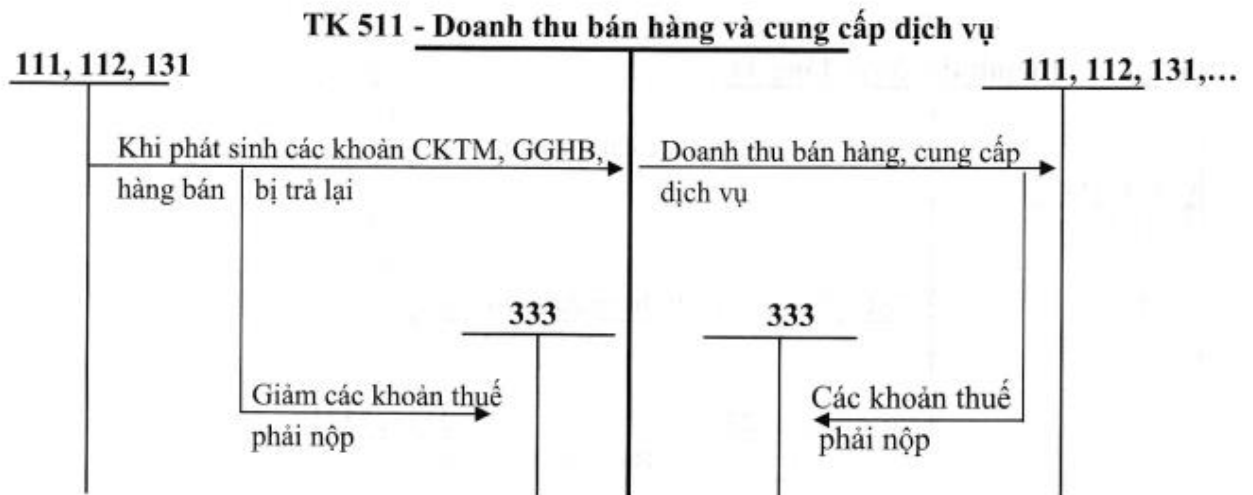
- Thuế TTĐB: là khoản thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Thuế xuất khẩu: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

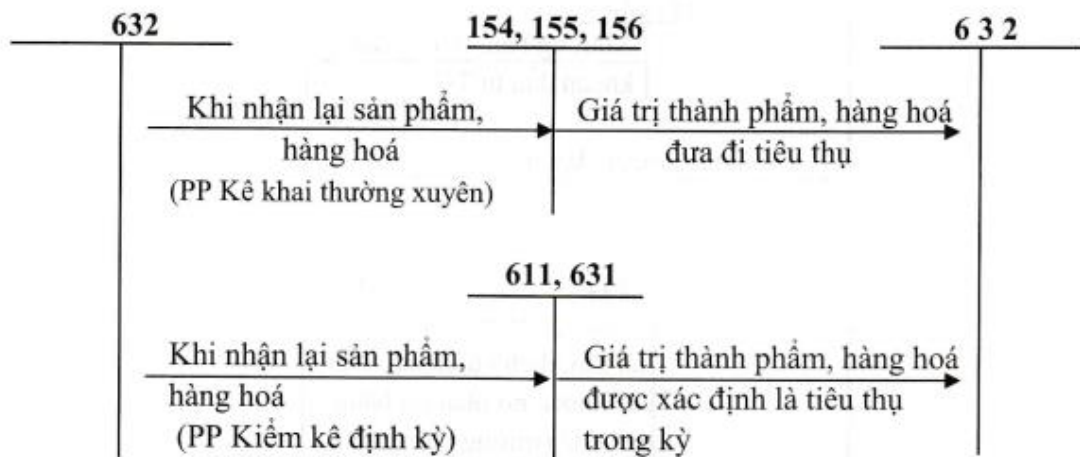
a) Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 511

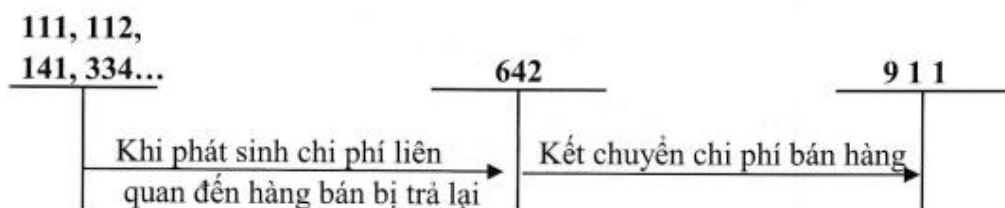
KẾ TOÁN CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU



**Kế toán nhận lại sản phẩm, hàng hoá**



**Hạch toán chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại**



*1.1.3.4. Thu nhập khác*

a. Khái niệm:

Thu nhập khác là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu cho Công ty như các khoản nhận được khi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

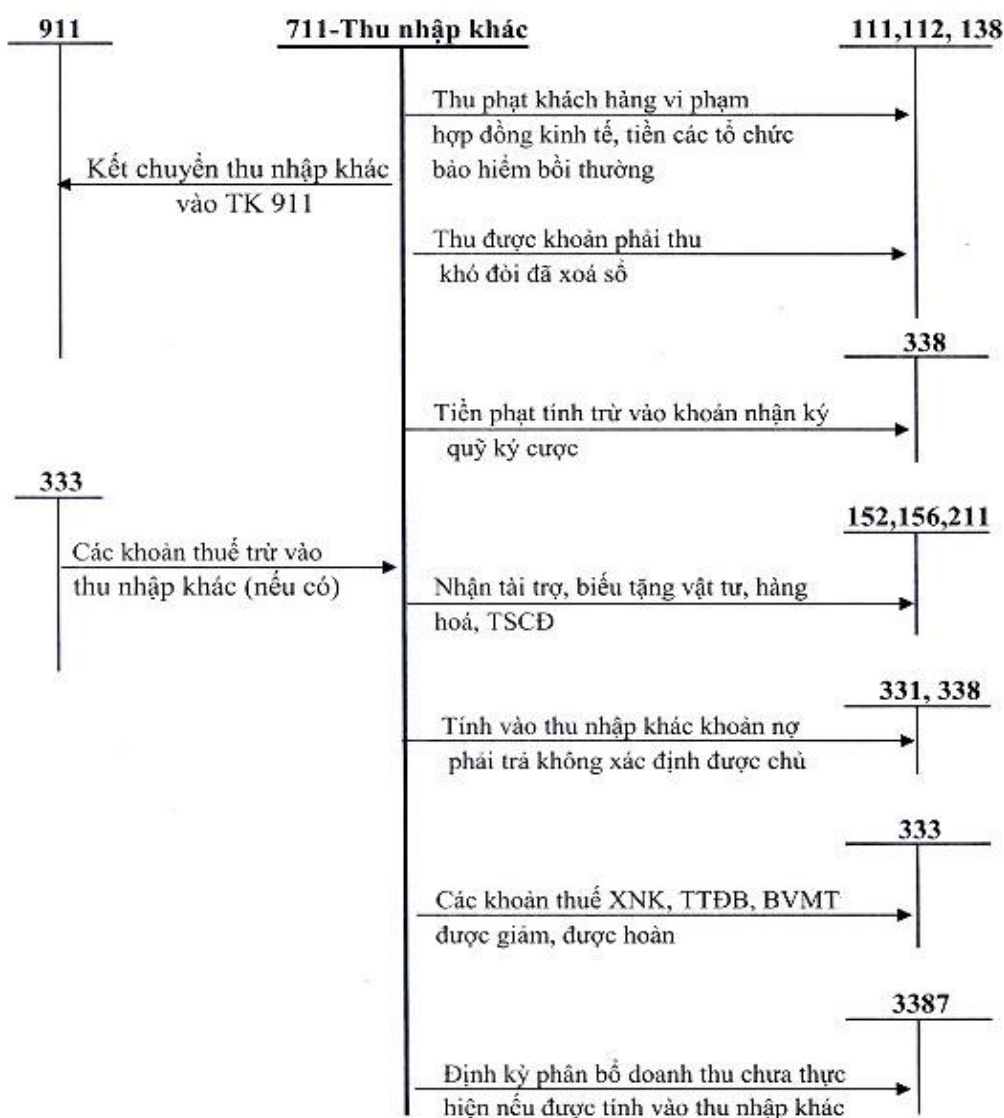
Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Các khoản thu khác

a. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 711 - Thu nhập khác, dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của Công ty. Loại tài khoản này chỉ phản ánh các khoản thu nhập khác trong kỳ.

KẾ TOÁN THU NHẬP KHÁC



*Một số quy định khi hạch toán thu nhập khác*

Nội dung của thu nhập khác của Công ty bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch lại do đánh giá vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn khác; Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản là thuê tài chính;
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu nhập các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Một số khoản thuế được NSNN hoàn lại;

- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);

- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho Công ty;

- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

a) Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu

- Giấy báo Có của ngân hàng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

- Các chứng từ khác có liên quan...

## **1.2. Lý luận chung về chi phí**

### ***1.2.1. Khái niệm về chi phí***

Chi phí là số tiền phải trả để thực hiện các hoạt động kinh tế như sản xuất, giao dịch, ... nhằm mua được các hàng hóa, dịch vụ cần thiết cho quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Chi phí trong Công ty thương mại bao gồm:

+ Giá vốn bán hàng: Tài khoản 632.

+ Chi phí hoạt động tài chính: Tài khoản 635.

+ Chi phí quản lý kinh doanh: Tài khoản 642.

+ Chi phí hoạt động khác: Tài khoản 811.

+ Chi phí thuế thu nhập Công ty: Tài khoản 821.

- Giá vốn bán hàng là giá trị hàng xuất kho. Giá vốn phụ thuộc vào phương pháp tính giá trị xuất kho của Công ty.

- Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động tài chính của Công ty.

- Chi phí quản lý kinh doanh là các khoản chi phí phục vụ cho bộ phận bán hàng và quản lý Công ty.

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

+ Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

+ Chi phí quản lý Công ty là những chi phí hành chính và chi phí quản lý chung của Công ty.

- Chi phí hoạt động khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của Công ty.

- Chi phí thuế thu nhập Công ty là số thuế thu nhập Công ty phải nộp được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế thu nhập Công ty hiện hành.

### **1.2.2. Một số quy định khi hạch toán chi phí**

+ Mỗi Công ty, chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp hạch toán hàng tồn kho, hoặc phương pháp kê khai thường xuyên, hoặc phương pháp kiểm kê định kỳ và được áp dụng nhất quán ít nhất trong một niên độ kế toán.

+ Đối với Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ: Cuối kỳ kế toán phải tiến hành kiểm kê để xác định giá trị thành phẩm, hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ. Trên cơ sở kết quả kiểm kê xác định giá trị hàng tồn kho đầu kỳ, cuối kỳ và giá trị vật tư, hàng hóa mua vào trong kỳ để xác định trị giá vật tư, hàng xuất sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh và giá trị vốn của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ.

### **1.2.3. Các loại chi phí**

#### **1.2.3.1. Chi phí giá vốn hàng bán**

a) Khái niệm:

- Đối với Công ty sản xuất: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa ra bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm hoàn thành. Giá vốn hàng bán thành phẩm xuất kho có thể xác định theo một trong các phương pháp sau: phương pháp bình quân gia quyền, phương pháp nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, phương pháp thực tế đích danh.

- Đối với Công ty thương mại: trị giá vốn của hàng hóa xuất kho để bán bao gồm trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí thu mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

b) Tài khoản sử dụng:

-Tài khoản sử dụng: Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán, phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

#### **Một số quy định khi hạch toán kế toán giá vốn hàng bán**

-Chi hạch toán giá vốn hàng bán khi các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ.

-Các khoản chi phí phát sinh như khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt quá định mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình hoàn thành thì được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán.

- Theo chế độ kế toán hiện hành - Chế độ kế toán Công ty nhỏ và vừa (Ban hành theo thông tư số 133/2017/TT-BTC, ngày 26/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) và tùy theo đặc điểm kinh doanh, Công ty có thể lựa chọn một trong bốn phương pháp sau để tính giá vốn cho hàng xuất bán, xuất dùng:

$$\text{Trị giá vốn hàng xuất kho} = \text{Lượng hàng xuất kho} \times \text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền}$$

**- Phương pháp bình quân gia quyền:**

Giá vốn bình quân gia quyền được tính

+ Tính theo giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ nghĩa là chỉ đến cuối kỳ kế toán tính giá đơn vị bình quân một lần theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá vốn hàng xuất kho BQGQCK} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Tổng trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Tổng lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

+ Tính giá vốn đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

Theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn, kế toán chỉ được tính giá đơn vị bình quân sau lần nhập kế trước ngày xuất. Giữa các lần xuất trong tháng không có lần nhập xen kẽ thì đơn giá xuất không thay đổi. Tồn đầu kỳ coi như lần nhập đầu tiên trong tháng.

**- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):** Kế toán giả định hàng nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau.

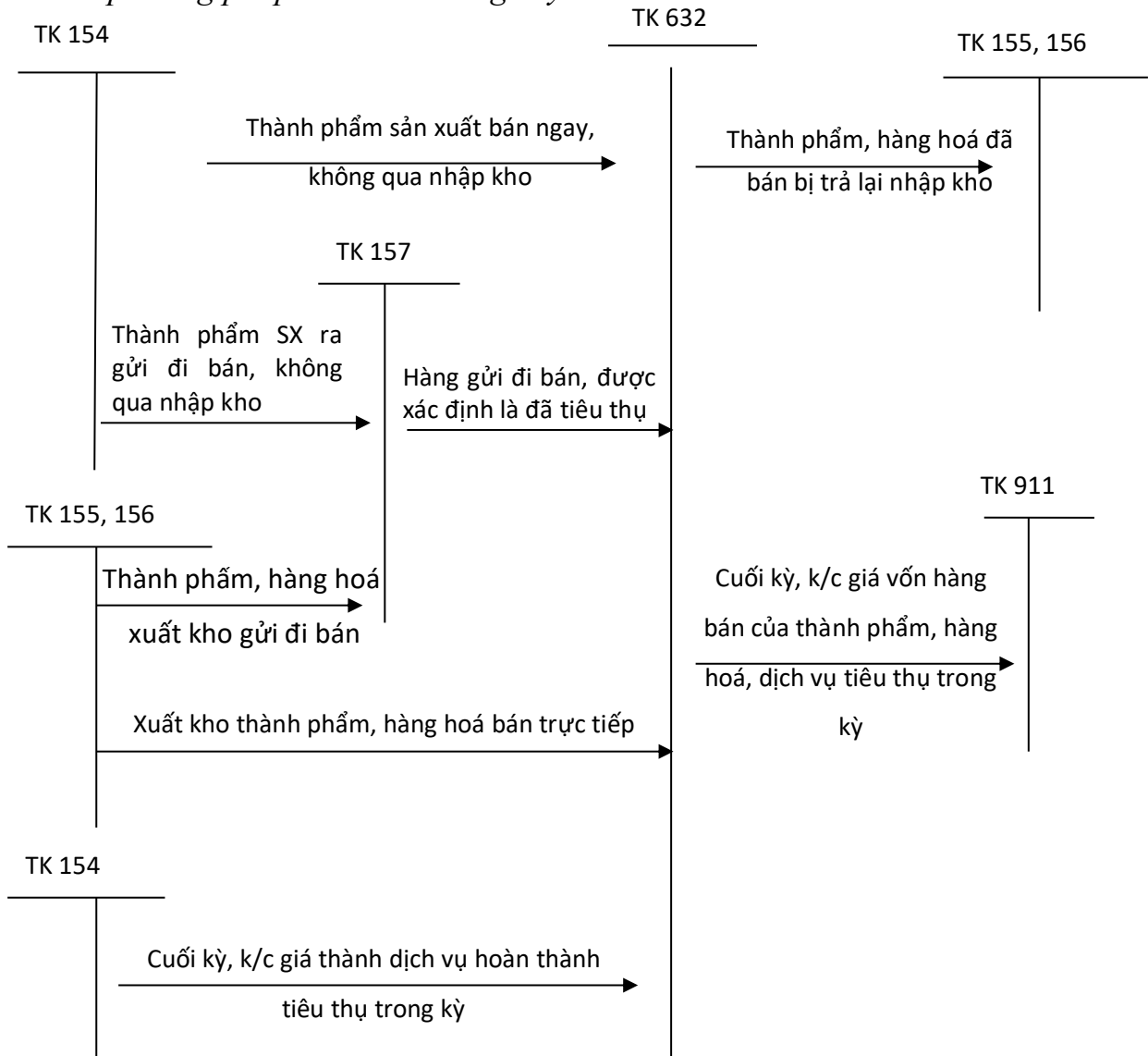
**- Phương pháp giá đích danh:** giá của hàng tồn khi sẽ giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất ra. Xuất loại nào, lấy đơn giá loại đó.

- Chứng từ sử dụng
  - Hóa đơn mua hàng, hóa đơn GTGT.
  - Phiếu xuất kho.



- Phương pháp hạch toán

Theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán

*1.2.3.2. Chi phí quản lý kinh doanh*

a) Khái niệm:

Chi phí quản lý kinh doanh: là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn Công ty. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuế, phí, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí dự phòng, chi phí bằng tiền khác.

b) Chứng từ sử dụng

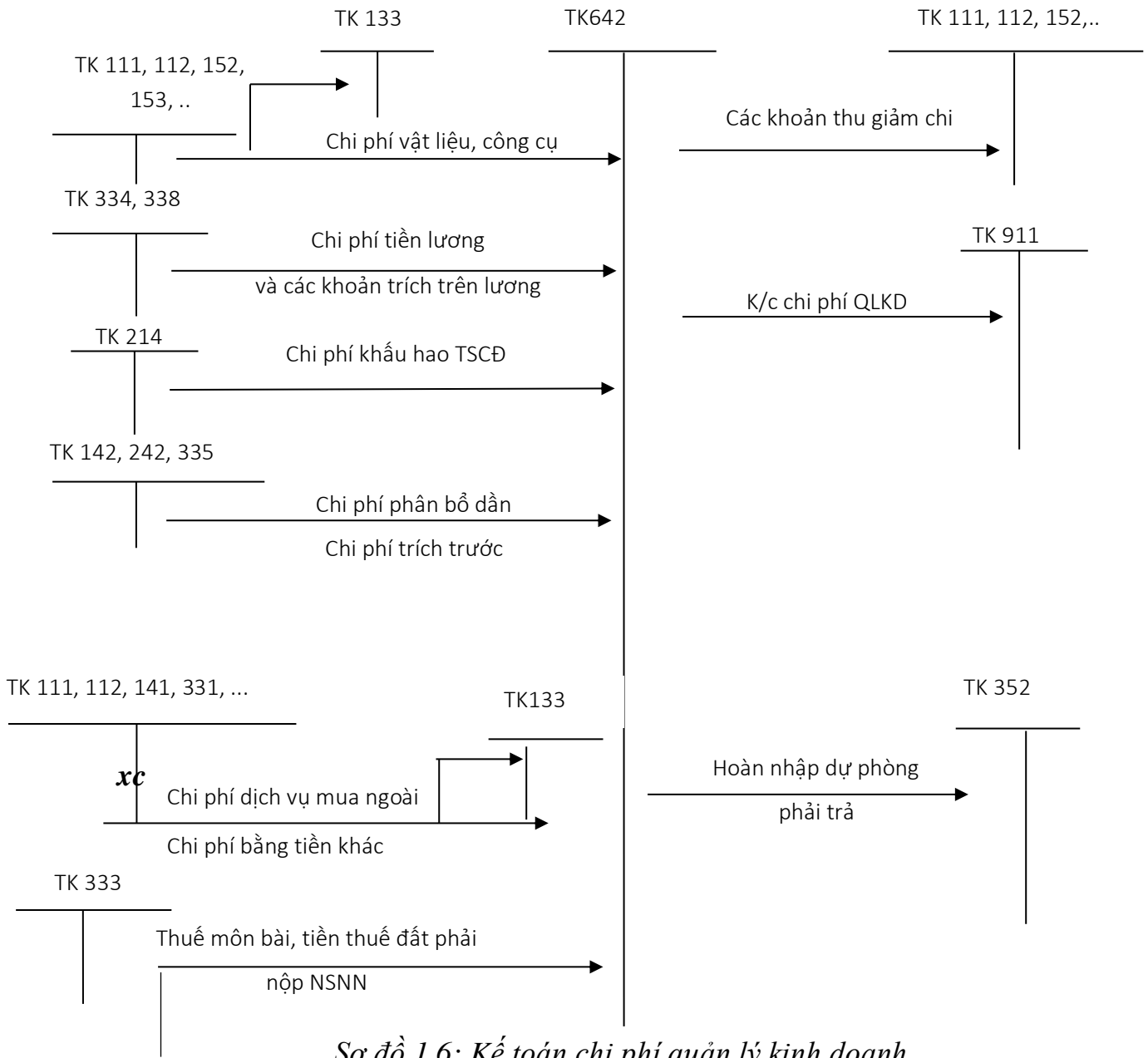
- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy bảo nợ.
- Các chứng từ liên quan khác.

c) Tài khoản sử dụng

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh, tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2:

- TK6421 “Chi phí bán hàng”
- TK6422 “Chi phí quản lý Công ty”

**Phương pháp hạch toán**



*1.2.3.3. Chi phí hoạt động tài chính*

a) Khái niệm: Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: các khoản chi phí hay các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

b) Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 635- chi phí tài chính, phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay hoặc đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

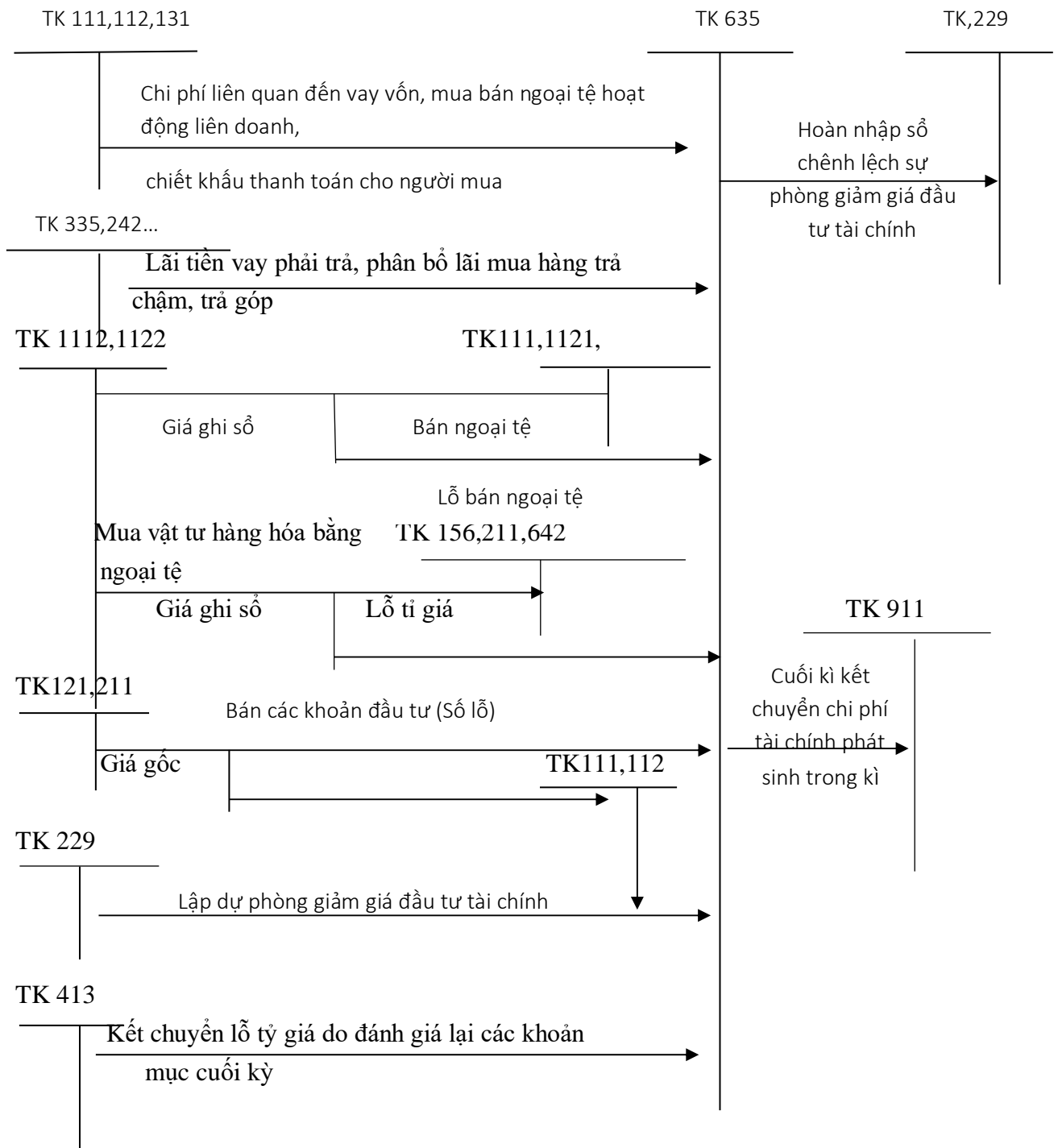
Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí. Không hạch toán vào Tài khoản 635 những nội dung chi phí sau:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí quản lý kinh doanh;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí khác.

c) Chứng từ sử dụng

- Giấy báo lãi, giấy báo có của Ngân hàng
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác

**Phương pháp hạch toán:**



*Sơ đồ 1.7. Kế toán chi phí tài chính*

*1.2.3.4. Chi phí hoạt động khác*

a. Khái niệm:

Chi phí khác phát sinh bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí khác...

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 811- Chi phí khác, phản ánh các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của Công ty.

c. Chi phí khác của Công ty gồm:

Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)

Chênh lệch lỗ do đánh giá vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn khác;

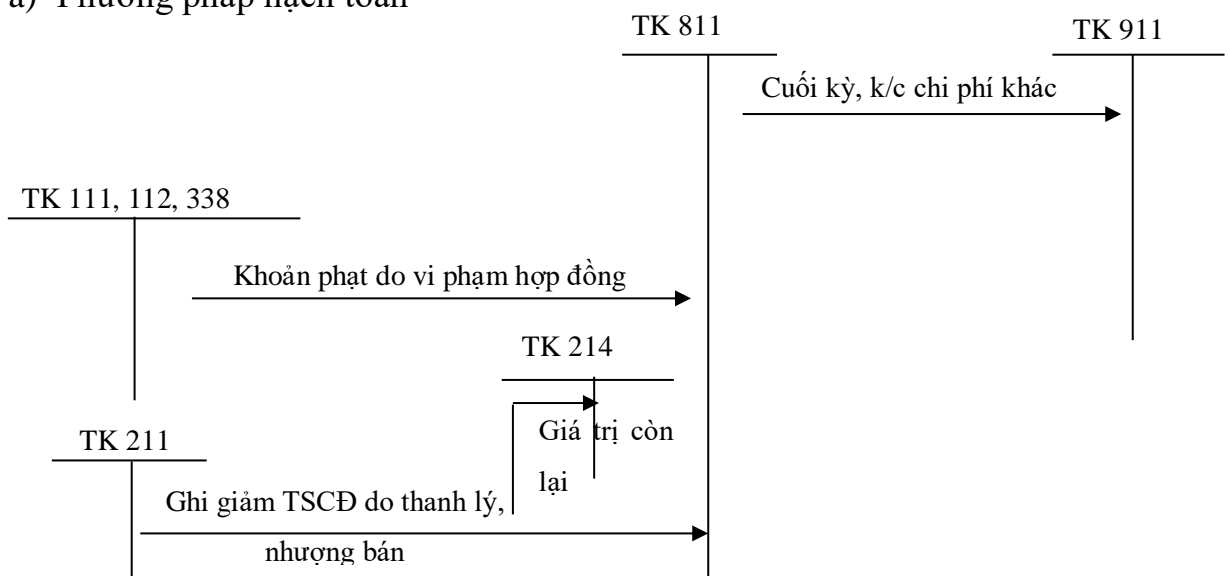
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế;

Các khoản chi phí khác;

Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan...

a) Phương pháp hạch toán



*Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí khác*

### **1.3. Lý luận chung về xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.3.1. Khái niệm**

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà Công ty đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

#### **1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh:**

- **Doanh thu thuần** = DT bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu.
- **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán.
- **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** = Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh.
- **Lợi nhuận từ hoạt động khác** = Thu nhập từ hoạt động khác – Chi phí hoạt động khác.
- **Lợi nhuận kế toán trước thuế** = **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận từ hoạt động khác**

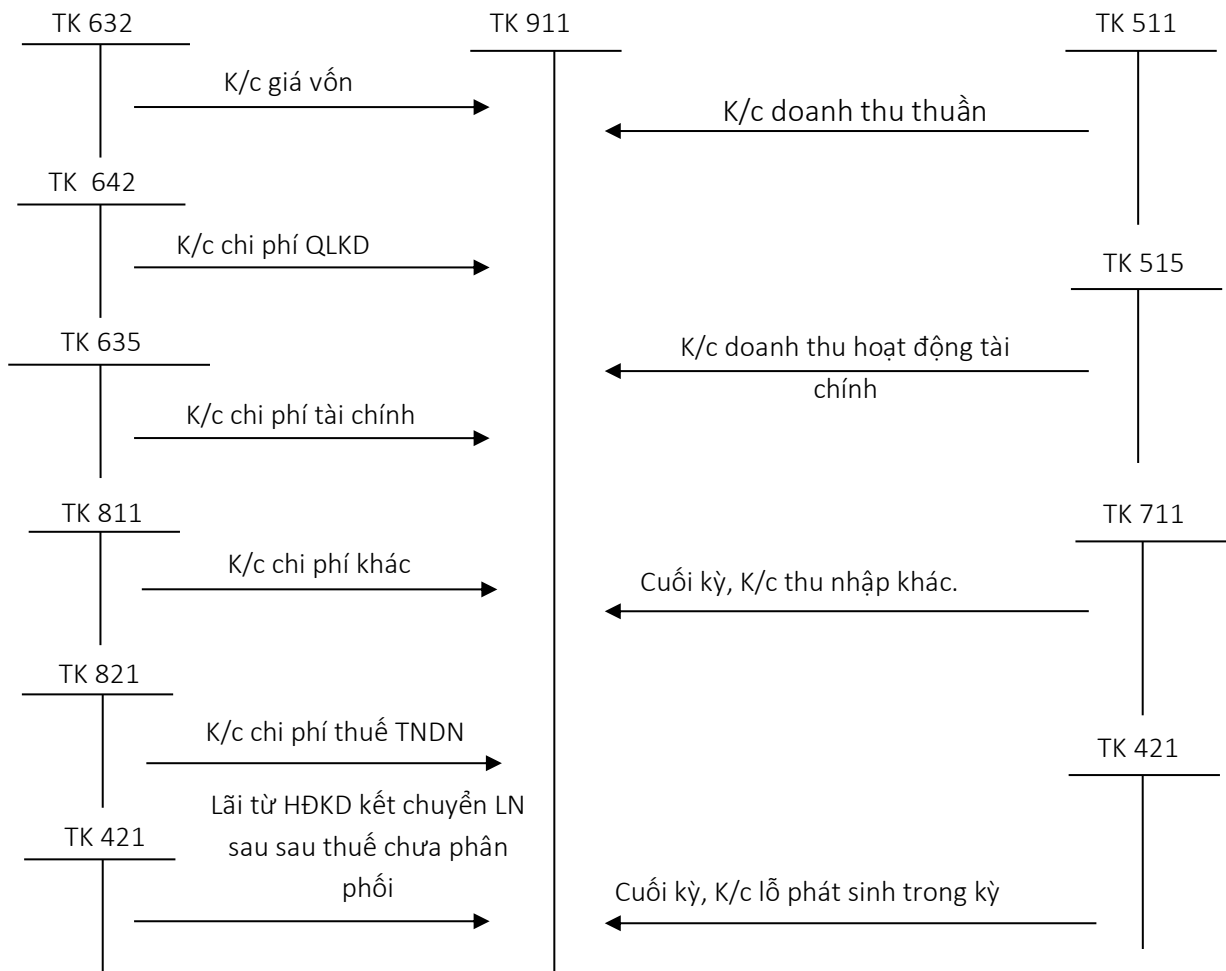
#### **1.3.3. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ liên quan khác.

#### **1.3.4. Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 911- Xác định kết quả hoạt động kinh doanh, phản ánh đầy đủ chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

#### **1.3.5. Phương pháp hạch toán**



*Sơ đồ 1.9: Kế toán kết quả kinh doanh*

**1.4. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Công ty được áp dụng một trong bốn hình thức kế toán:

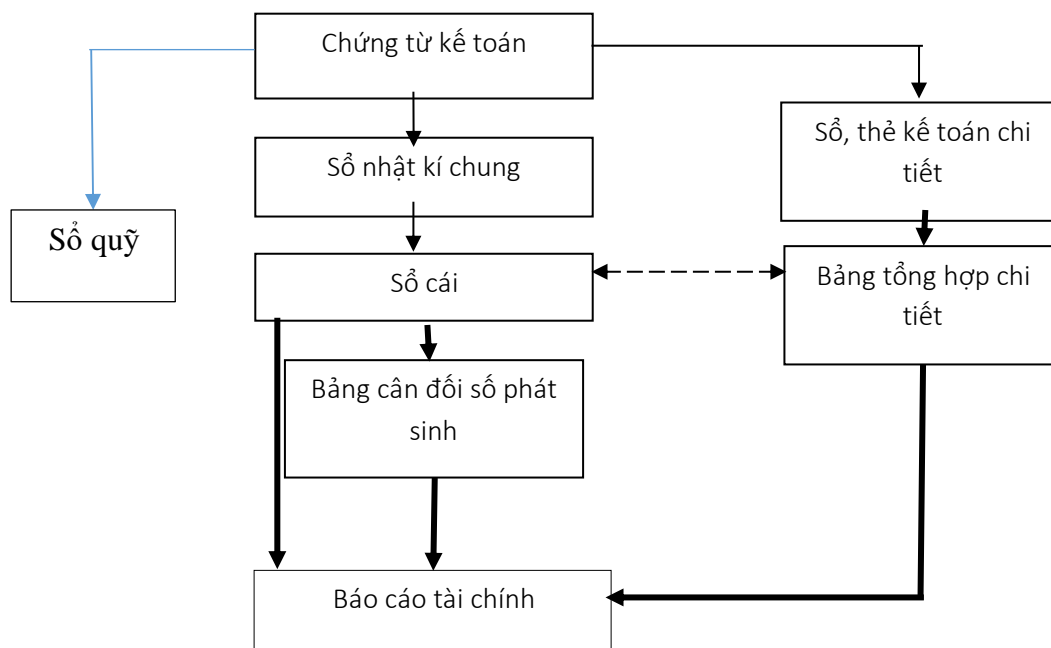
**1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung**

**Đặc trưng cơ bản:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều phải được ghi vào Sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian. Dựa vào số liệu trên sổ Nhật ký chung để vào các Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**Điều kiện áp dụng:** Sử dụng cho hầu hết các loại hình DN: SX – TM – DV – XD có quy mô vừa và nhỏ.



**Quy trình ghi sổ:**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:  $\longleftrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:  $\longrightarrow$

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

- Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi sổ NKC kế toán ghi vào các sổ chi tiết liên quan.
- Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10 ... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và tổng số

phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

**Ưu điểm:**

- Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện. Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán
- Được dùng phổ biến. Thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán
- Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên Sổ Nhật ký chung. Cung cấp thông tin kịp thời.

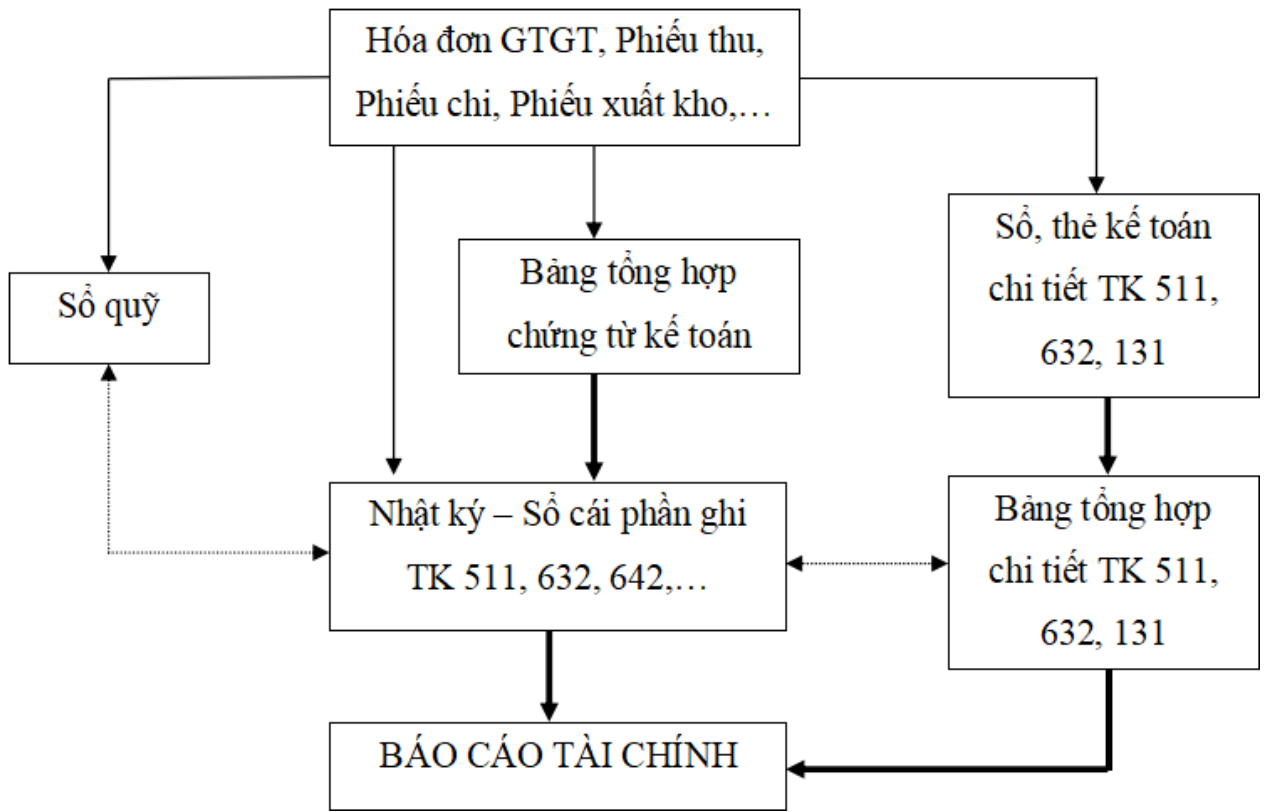
+ **Nhược điểm:** Lượng ghi chép nhiều.

**1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái**

**Đặc trưng cơ bản:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều được ghi vào Sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Sổ Nhật ký – sổ cái theo trình tự thời gian. Căn cứ vào Nhật ký – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp các chứng từ kế toán cùng loại.

**Điều kiện áp dụng:** Sử dụng cho những DN có quy mô nhỏ, sử dụng ít Tài khoản kế toán

Quy trình ghi sổ:



Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký sổ cái

+ **Ưu điểm**

- Số lượng sổ ít, mẫu sổ đơn giản dễ ghi chép.
- Việc ktra đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ Tổng hợp

Nhật ký – sổ cái

+ **Nhược điểm**

- Khó thực hiện việc phân công lao động kế toán (chỉ có duy nhất 1 sổ tổng hợp – Nhật ký sổ cái)

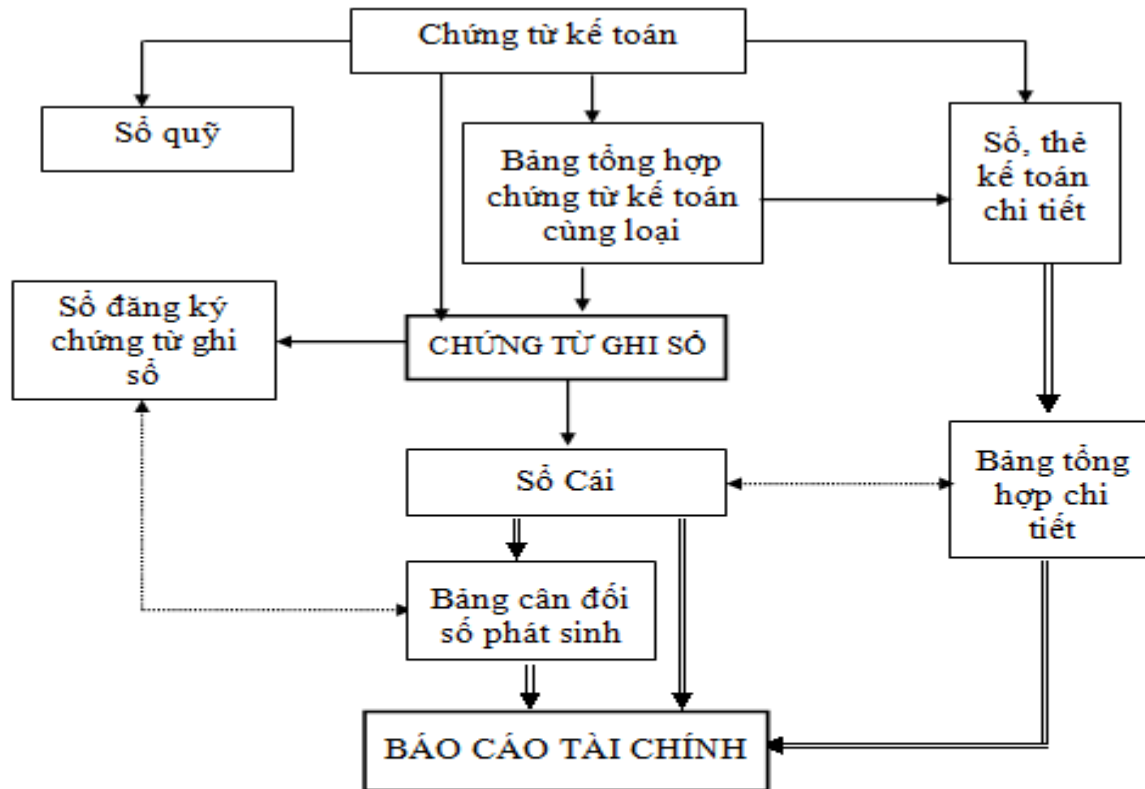
- Khó thực hiện đối với DN có quy mô vừa và lớn, phát sinh nhiều Tài khoản.

**1.4.3. Hình thức Chứng từ - ghi sổ**

**Đặc trưng cơ bản:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trên chứng từ kế toán đều được phân loại, tổng hợp và lập chứng từ ghi sổ. Dựa vào số liệu ghi trên Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian và ghi vào Sổ Cái theo nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**Điều kiện áp dụng:** Áp dụng cho những DN có quy mô vừa, Quy mô lớn. Sử dụng nhiều lao động kế toán và số lượng lớn các Tài khoản kế toán được sử dụng

**Quy trình ghi sổ**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày  →
- Ghi cuối tháng  →
- Đối chiếu, kiểm tra  ↔

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

**Ưu điểm:** Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán

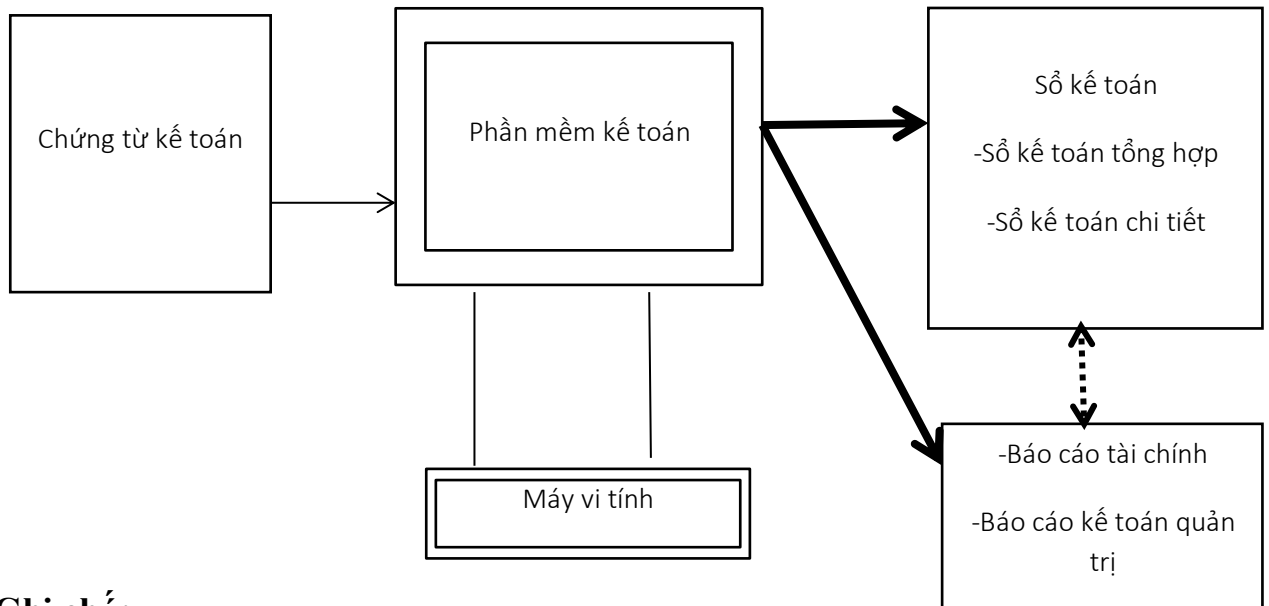
+ **Nhược điểm**

- Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp.
- Việc kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện vào cuối tháng, vì vậy cung cấp thông tin thường chậm

**1.4.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính**

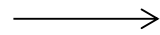
**Đặc trưng cơ bản:** việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy

định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



**Ghi chú:**

Nhập số liệu hàng ngày:



In sổ, báo cáo cuối hàng cuối năm



Quan hệ đối chiếu kiểm tra



Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

**CHƯƠNG 2:**  
**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC**  
**ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ**  
**HỒNG BÀNG**

**2.1 Khái quát chung về công ty cổ phần đầu tư Hồng**

**2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200841698 ngày 5 tháng 11 năm 2008 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Một số thông tin cơ bản về công ty :

- Tên giao dịch: HONGBANG JSC
- Mã số thuế: 0200841698
- Địa chỉ: Số 1, Lô 6, Khu tập thể PG, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng
- Đại diện pháp luật: Nguyễn Thanh Khoa
- Ngày cấp giấy phép: 05/11/2008
- Ngày hoạt động: 06/11/2008 (Đã hoạt động 11 năm)
- Điện thoại:
- Ngành nghề kinh doanh chính: Buôn bán vật liệu,lắp đặt khác trong xây dựng và bất động sản.

Công ty Cổ phần đầu tư Hồng Bàng là đơn vị hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân, được mở các tài khoản tại ngân hàng trong và ngoài nước, được sử dụng con dấu riêng theo mẫu quy định của Nhà nước.

Đi vào hoạt động được hơn 10 năm,cùng với sự phát triển đi lên của nền kinh tế đất nước, sự hòa nhập trong công cuộc đổi mới, công ty đã không ngừng phát triển đi lên cùng sự phát triển của đất nước và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Công ty luôn hoàn thành kế hoạch đã đề ra, bảo toàn và phát triển nguồn vốn đồng thời luôn mang lại lợi ích cho người lao động. Bên cạnh đó công ty không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ công nhân viên, trang thiết bị máy móc hiện đại hơn đảm bảo cho quá trình kinh

doanh của công ty. Qua đó cho thấy sự phát triển mạnh mẽ, vượt bậc của công ty trong thời gian qua và giúp công ty khẳng định được vị thế, đứng vững trên thị trường.

Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Bàng là đơn vị thành viên của Công ty cổ phần Him Lam - một tập đoàn kinh tế lớn đóng vai trò quan trọng trên thị trường bất động sản Việt Nam.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Bàng là đơn vị thành viên của Công ty cổ phần Him Lam - một tập đoàn kinh tế lớn đóng vai trò quan trọng trên thị trường bất động sản Việt Nam. Công ty được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 05 tháng 11 năm 2008 với nhiệm vụ chính là thực hiện các dự án phát triển bất động sản tại Hải Phòng
- Trải qua 5 năm phấn đấu và trưởng thành đến nay Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Bàng không chỉ là doanh nghiệp có kinh nghiệm và uy tín trong việc cung cấp vật tư cho các công trình xây dựng, mà đã dần lớn lên, vững mạnh từng bước phát triển.
- Để đạt được mục tiêu đề ra khi thành lập, hiện công ty đang thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội và thương mại Him Lam Hùng Vương tại phường Hùng Vương – quận Hồng Bàng – TP Hải Phòng. Với diện tích 12,3 ha.

### **Thuận lợi**

- Công ty luôn xác định rõ ràng mục tiêu phát triển, phương hướng, nhiệm vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh nên luôn có định hướng đúng đắn trong quá trình phát triển sản xuất, mở rộng quy mô, ngành nghề...

- Công ty có nhiều biện pháp xúc tiến, thâm nhập, không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm sản xuất cũng như dịch vụ.

- Bên cạnh đó, công ty có đội ngũ cán bộ nhiệt tình, dày dặn kinh nghiệm cùng với lực lượng công nhân sản xuất hăng say, tạo nên hiệu quả sản xuất kinh doanh cao và tăng dần qua các năm. Đồng thời công ty luôn có kế hoạch phát triển, bồi dưỡng, đào tạo năng lực, trình độ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên trong toàn công ty.

### **Khó khăn**

- Mặc dù tốc độ phát triển cũng khá nhanh nhưng công ty vẫn còn gặp phải những khó khăn về cơ sở vật chất, máy móc thiết bị...

- Chế độ chính sách nhà nước không ổn định: chính sách thuế, chính sách đầu tư, sự tăng vọt của giá cả thị trường ...làm cho công ty gặp không ít khó khăn trong việc đối mặt với sự biến động trong việc lựa chọn và ra quyết định đầu tư như thế nào cho hợp lý và hiệu quả

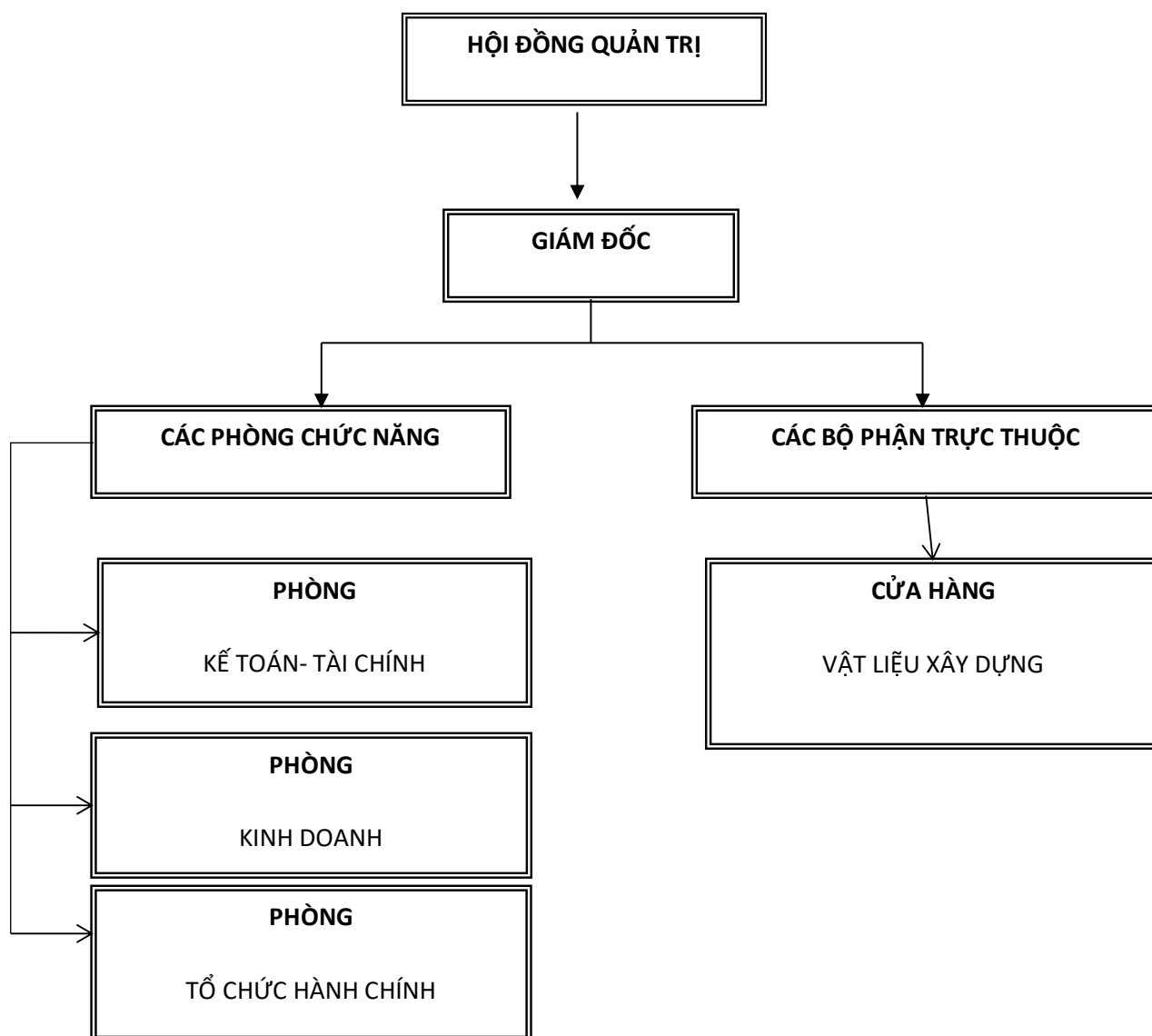
- Thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, đòi hỏi công ty phải đưa ra nhiều biện pháp thu hút, tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường...

### **2.1.2 Lĩnh vực hoạt động của công ty**

- Xây dựng các công trình
- Thi công mặt bằng
- Buôn bán các thiết bị khác trong xây dựng
- Lắp đặt hệ thống lò sưởi, năng lượng mặt trời
- Kinh doanh vận tải
- Môi giới nhà đất



### 2.1.3 Đặc điểm, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty



**\* Tổng Giám Đốc:**

- **Chức năng:** Là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Chịu trách nhiệm toàn bộ trước cơ quan pháp luật.

- **Nhiệm vụ:**

+ Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty.

+ Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

+ Bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty.

+ Ký hợp đồng nhân danh Công ty

**\* Phòng kế toán.**

- **Chức năng:** Phản ánh và giám đốc tất cả các hoạt động kinh tế trong toàn công ty. Phòng kế toán tài chính là một phòng giữ vị trí quan trọng trong việc điều hành quản lý kinh tế, thông tin kinh tế trong mọi lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Nhiệm vụ:**

+ Tổ chức sắp xếp hợp lý, khoa học tập trung các nhân viên thuộc phòng quản lý để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao về công tác kế toán tài chính.

+ Báo cáo với Tổng Giám Đốc về những phát sinh trong tháng một cách kịp thời, chính xác, như doanh thu, chi phí, thuế, ngân hàng, công nợ...

+ Ghi chép phản ánh số liệu hiện có về tình hình vận động toàn bộ tài sản của công ty. Giám sát việc sử dụng, bảo quản tài sản của công ty, đặc biệt là các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị.

+ Mở sổ sách theo dõi tài sản, lập hồ sơ chứng từ ghi chép, lập báo cáo theo quy định của nhà nước, lưu giữ chứng từ cẩn thận, gọn gàng.

**\*Phòng hành chính nhân sự.**

Có chức năng giúp Tổng giám đốc thi đua khen thưởng, kỷ luật, lên danh sách ký hợp đồng cho nhân viên toàn công ty, giải quyết chế độ chính sách cho người lao động theo luật lao động và luật Bảo Hiểm Xã Hội hiện hành (chế độ nghỉ việc, chế độ nghỉ thai sản, nghỉ ốm, nghỉ phép..). Lập các quyết định nghỉ việc, bổ nhiệm, bãi nhiệm, lệnh điều động nhân viên các mục tiêu, quản lý hồ sơ, danh sách trích ngang toàn công ty.

**\*Phòng kinh doanh:**

***- Chức năng:***

+ Tham gia thay đổi những nội dung qui trình, kế hoạch chất lượng, các hướng dẫn về công tác quản lý chất lượng.

***- Nhiệm vụ:***

+ Tham mưu , đề xuất các phương án kinh doanh trình lên Tổng Giám Đốc.

+ Nghiên cứu thị trường, định hướng các hoạt động kinh doanh tiếp thị tại các thị trường mục tiêu.

+ Xác định giá dịch vụ, xây dựng chiến lược phát triển thị trường.

+ Thực hiện việc dịch vụ sau bán hàng (chăm sóc khách hàng), tiếp thị.

+ Biết phân biệt khách hàng có tiềm năng và không có tiềm năng.

+ Kết hợp với các phòng ban liên quan xây dựng chất lượng nhân viên

**2.1.4 Khái quát tình hình tài chính của Công ty Cổ phần đầu tư Hồng Bàng**

**Bảng 1.2 Một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản của doanh nghiệp**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm			2017/2016		2018/2017	
		2016	2017	2018	+/-	%	+/-	%
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>Tr.VNĐ</b>	985.890.639	822.576.286	711.327.785	-163.314.353	83.43	-111.248.501	86.48
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>Tr. VNĐ</b>	965.830.264	805.984.635	697.559.312	-159.845.629	83.45	-108.425.323	86.55
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>VNĐ</b>	20.060.375	16.591.651	13.768.473	-3.468.724	82.71	-2.823.178	82.98
<b>Chi phí quản lý DN</b>	<b>VNĐ</b>	2.551.123	1.565.321	2.909.361	-985.802	61.36	1.344.040	185.86
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>VNĐ</b>	10.470.321	9.555.987	4.115.698	-914.334	91.27	-5.440.289	43.07
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>VNĐ</b>	7.038.931	5.470.343	6.743.414	-1.568.588	77.72	1.273.071	123.27
<b>Tổng lao động</b>	<b>Người</b>	20	20	22	2	104.17	0	-
<b>Thu nhập bình quân/lao động</b>	<b>VNĐ/tháng</b>	3.125.000	4.634.000	6.134.000	1.509.000	148.29	1.500.000	132.37

*(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2016-2018)*

Nhận xét:

Qua bảng số liệu về một số chỉ tiêu cơ bản của doanh nghiệp ta nhận thấy doanh thu thuần của doanh nghiệp có xu hướng tăng đều qua 3 năm.

Trong năm 2017 công ty liên tục đầu tư vào trang thiết bị máy móc, đào tạo nguồn nhân lực, điều này giúp cho tình hình hoạt động kinh doanh của công ty đạt hiệu quả hơn, số lượng hợp đồng tăng lên giúp công ty đẩy mạnh được hoạt động tiêu thụ hàng hóa với chất lượng sản phẩm dịch vụ ngày càng nâng cao nhưng giá trị nguyên liệu đầu vào thay đổi liên tục. Đây chính là nguyên nhân làm cho doanh thu thuần của công ty năm 2017 giảm 163.314.353 VNĐ tương ứng với tỷ lệ giảm còn 83,43% so với năm 2016. Trong năm 2018 doanh nghiệp tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất và tiêu thụ khi tiếp tục mua mới trang thiết bị và đẩy mạnh công tác bán hàng, do giá hàng hóa ngày càng giảm điều này đã làm cho doanh thu thuần của doanh nghiệp năm 2018 giảm 111.248.501 VNĐ tương ứng tốc độ giảm 86.46%.

Giá vốn hàng bán của doanh nghiệp cũng có xu hướng tăng lên qua từng năm. Năm 2017 giá vốn hàng bán của doanh nghiệp giảm 159.845.629 VND tương ứng với tốc độ giảm 83,45% so với năm 2016. Đến năm 2018 giá vốn hàng bán của doanh nghiệp tiếp tục giảm đi 108.425.323 VND tương ứng tốc độ sụt giảm là 86,55% so với năm 2017. Nguyên nhân ảnh hưởng tới giá vốn hàng bán là do sự giảm của chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Trong đó thì chi phí nguyên vật liệu là nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự biến động của giá vốn hàng bán. Trong năm vừa qua giá trị nguyên vật liệu tăng giảm liên tục có xu hướng giảm mạnh.

Doanh thu tăng tuy nhiên giá vốn hàng bán của doanh nghiệp cũng tăng lên làm cho lợi nhuận gộp của doanh nghiệp bị ảnh hưởng. Lợi nhuận gộp của doanh nghiệp năm 2017 giảm 3.468.724 VNĐ tương ứng với tỷ lệ giảm còn 82,71% so với năm 2016, chỉ tiêu này năm 2018 chỉ giảm 82,98% tương ứng giảm 2.823.178 VNĐ

Chi phí quản lý của doanh nghiệp cũng giảm dần, điều này làm ảnh hưởng không nhỏ tới lợi nhuận của công ty. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2017 giảm 985.802 VNĐ tương ứng tỷ lệ giảm 61,36% so với năm 2016 còn trong năm 2018 chỉ tiêu này tăng 85.86% tương ứng với 1.344.040 VNĐ so với năm 2017.

Tuy chịu ảnh hưởng từ việc tăng lên của các khoản chi phí nhưng lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp vẫn tăng đều qua các năm. Năm 2017 lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp là 1.568.588 VNĐ giảm còn 77,72% so với năm 2016, năm 2018 con số này tăng thêm 1.573.271 VNĐ tăng 23.27% so với năm 2017.

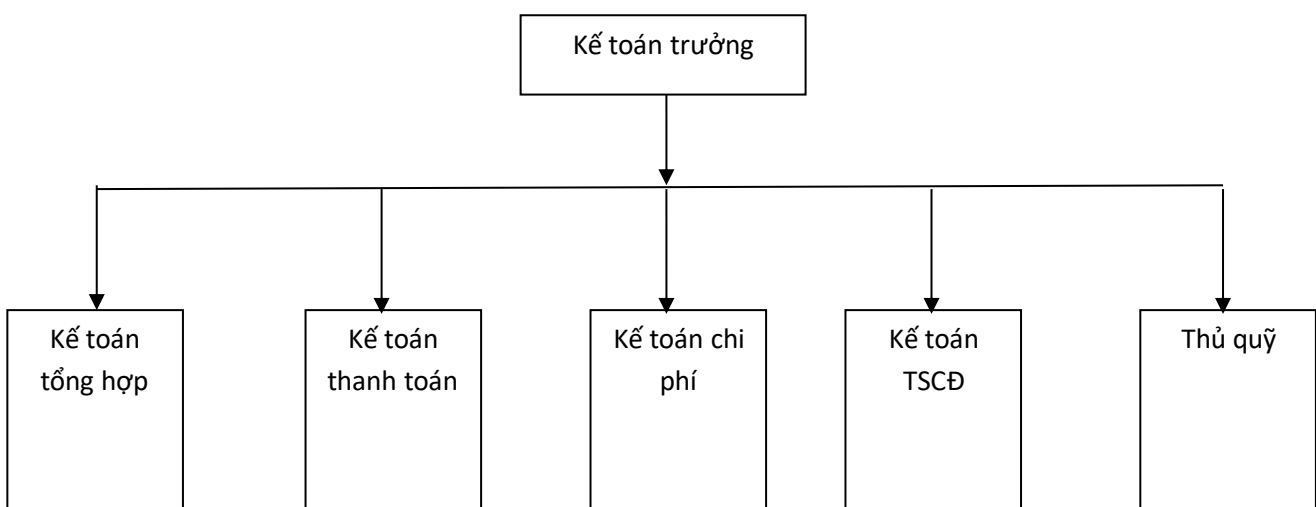
Số lao động của doanh nghiệp năm 2017 tăng lên và chững lại vào năm 2018, cụ thể năm 2017 số lượng lao động là 22 người, tăng 2 người tương ứng tỷ lệ tăng 4,17% so với năm 2016. Đây là dấu hiệu tốt cho thấy doanh nghiệp đang không ngừng mở rộng quy mô hoạt động, cần thêm nguồn nhân lực để duy trì hoạt động kinh doanh ổn định. Năm 2018 số lượng lao động không biến đổi do doanh nghiệp đã có đủ nhân lực phục vụ cho hoạt động kinh doanh và chưa có nhu cầu tuyển thêm lao động.

Thu nhập của lao động bình quân người/tháng: thu nhập của lao động nhìn chung qua 3 năm có xu hướng biến động như sau: năm 2017 thu nhập của lao động tăng so với năm 2016 là 1.509.000 VNĐ tương ứng với mức tăng 48,29%. Năm 2018 thu nhập của người lao động tăng so với năm 2017 là 1.500.000 VNĐ tương ứng với mức tăng 24,37%. Đây là dấu hiệu tốt cho thấy hướng đi sáng suốt của lãnh đạo trong việc phát triển thêm ngành nghề, mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh đã giúp cho công ty tăng doanh thu và lợi nhuận. Chính vì vậy mà thu nhập của người lao động cũng được tăng lên đáng kể, giúp họ cải thiện cuộc sống. Người lãnh đạo của doanh nghiệp đã trả mức lương xứng đáng cho công sức của người lao động bỏ ra. Đây là việc làm rất đúng đắn để giữ chân những người nhân viên đặc lực bên cạnh và họ sẽ dốc hết sức để làm việc cho doanh nghiệp phát triển.

Như vậy nhìn chung qua 3 năm tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vẫn đạt hiệu quả bằng chứng là mức doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp tăng qua từng năm. Tuy nhiên công ty cần quan tâm xem xét điều chỉnh các chiến lược để giảm trừ chi phí để tiếp tục nâng cao chất lượng kinh doanh, đạt được những mục tiêu đã đề ra.

## 2.1.5 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

### 2.1.5.1 Cơ cấu bộ máy kế toán



+ Kế toán trưởng : chịu trách nhiệm trước cấp trên và giám đốc về mọi mặt hoạt động kinh tế của công ty , có nhiệm vụ tổ chức và kiểm tra công tác kế toán ở đơn vị . Đồng thời cũng có nhiệm vụ quan trọng việc thiết kế phương án tự chủ tài chính , đảm bảo khai thác và sử dụng hiệu quả mọi nguồn vốn của công ty như việc tính toán chính xác mức vốn cần thiết, tìm mọi biện pháp giảm chi phí , tăng lợi nhuận của công ty

+ Kế toán tổng hợp : là người ghi chép , tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế và tập hợp chi phí, tính giá thành , xác định kết quả lãi lỗ của quá trình kinh doanh đồng thời vào sổ cái lên bảng thống kê tài sản . Ngoài ra còn phải theo dõi tình hình công nợ phải thanh toán với các ban hàng

+ Kế toán thanh toán : chịu trách nhiệm theo dõi và hạch toán các khoản thanh toán công nợ với ngân sách nhà nước , với các thành phần kinh tế , các cá nhân cũng như trong nội bộ công ty . Đồng thời thanh toán tiền lương cho công nhân

theo chế độ quy định

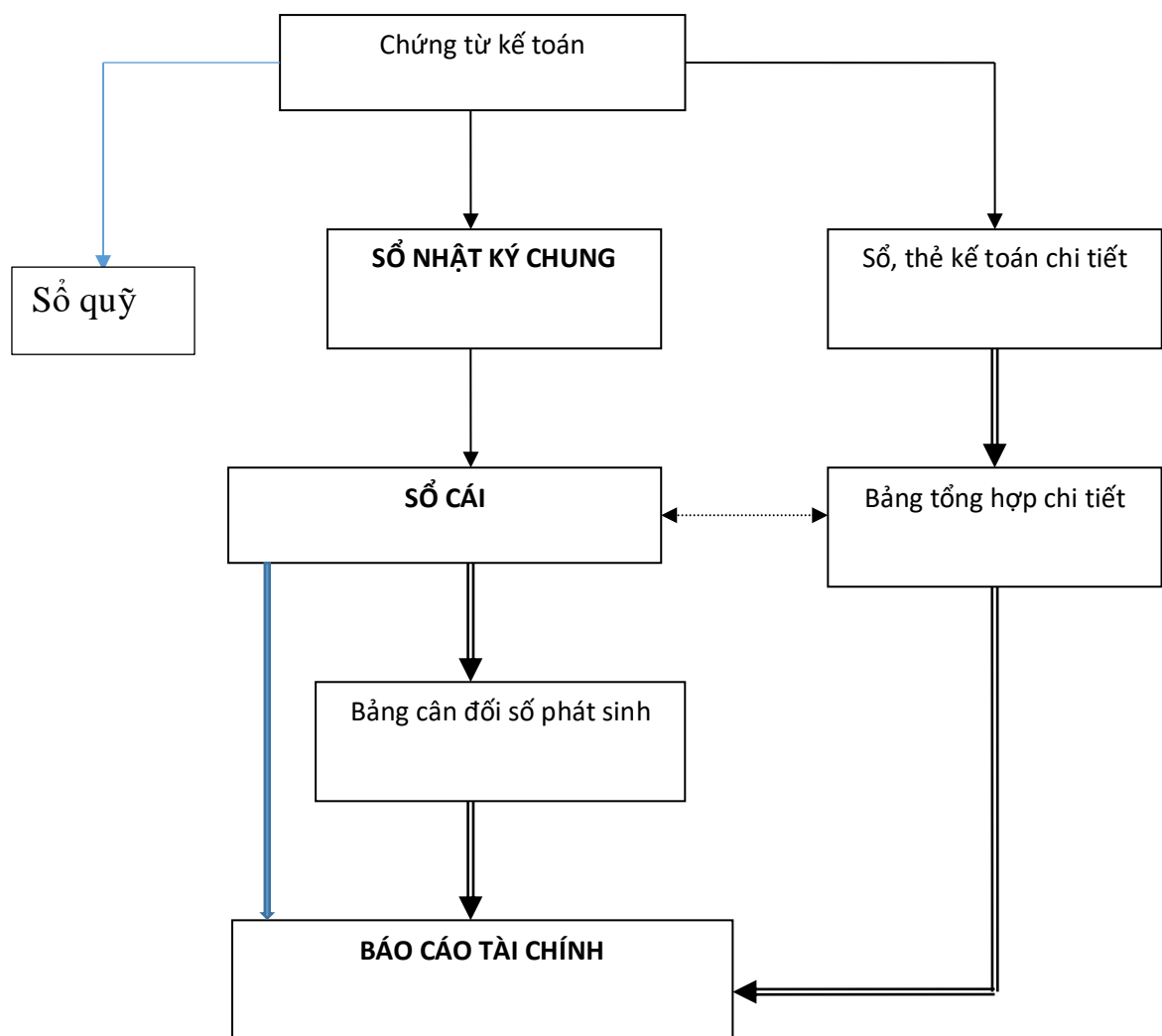
- + Kế toán chi phí : thực hiện công việc tập hợp chi phí
- + Thủ quỹ chịu trách nhiệm về công việc có liên quan đến quỹ tiết kiệm , tín dụng thu hồi vốn từ các khoản nợ và cũng là người quản lý giám sát lượng tiền của công ty
- + Kế toán TSCĐ theo dõi sự biến động của TSCĐ , tính và phân bổ khấu hao TSCĐ cho các đối tượng sử dụng .



2.1.5.2 Hình thức ghi sổ

Để thuận tiện, đơn giản và phản ánh kịp thời đầy đủ khối lượng nghiệp vụ kinh tế của đơn vị, hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung để ghi chép, phản ánh hệ thống hóa nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo tài khoản kế toán.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung



Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

- Hàng ngày tập hợp các chứng từ gốc để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào các số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái, đồng thời phải ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan cùng với việc ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung.
- Cuối quý, cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh sau khi kiểm tra và đối chiếu khớp đúng với số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết dùng để lập báo cáo tài chính

### **2.1.5.3 Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty**

- Công ty đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép sổ kế toán là: đồng Việt Nam
- Áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung
- Tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ
- Giá trị thực tế của vật liệu xuất kho: hiện nay công ty đang áp dụng phương pháp nhập trước xuất trước
- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp khấu hao theo đường thẳng

### **2.1.5.4 Tình hình vận dụng chế độ chứng từ kế toán**

Chứng từ sử dụng trong Công ty hiện nay hầu hết do Bộ Tài chính phát hành.

- Chứng từ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng: phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, giấy đề nghị tạm ứng, biên bản kiểm kê quỹ, giấy báo nợ, giấy báo có....
- Chứng từ bán hàng: phiếu xuất kho, hóa đơn bán hàng, hóa đơn giá trị gia tăng, ...
- Chứng từ lương: Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng phân bổ tiền lương, bảng trích BHXH, BHYT ....
- Chứng từ TSCĐ: Sổ TSCĐ, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.

- Sổ tổng hợp: Nhật ký chung và sổ cái các tài khoản

## **2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng**

### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng**

- Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà Công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh.

- Doanh thu bán hàng là buôn bán các thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

- Phương thức bán hàng mà công ty áp dụng: Thu ngay bằng tiền mặt, thu qua chuyển khoản hoặc ghi nhận nợ

#### **2.2.1.1. Chứng từ sử dụng:**

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng), ... và các chứng từ liên quan khác

#### **2.2.1.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng**

- Tài khoản sử dụng:

TK 511 “Doanh thu bán hàng”

Ngoài ra còn có các tài khoản liên quan:

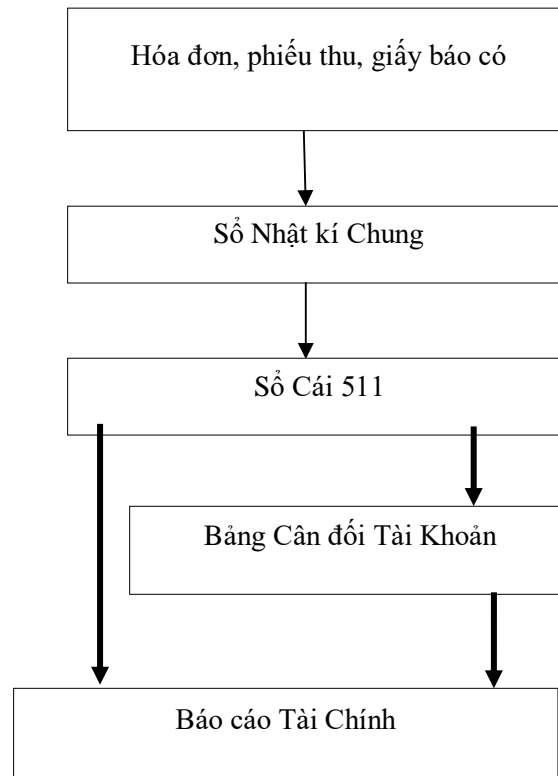
TK111, TK 112, TK 131, TK 3331

- Sổ sách sử dụng:

Sổ Nhật ký chung.

Sổ cái các tài khoản

## Trình tự hạch toán



**Ghi chú:** Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ →

**Ví dụ 1:**

Ngày 4/12/2018 Bán hàng cho ông Dương Xuân Thành đại lý nước giải khát TT giá chưa thuế GTGT 10% là 17.900.000 chưa thanh toán

Định khoản:

Nợ TK 131: 19.690.000

Có TK 511: 17.900.000

Có TK 3331: 1.790.000

\_ Từ HĐ GTGT số 1922 ( biểu số 1) kế toán vào sổ Nhật kí chung ( biểu số 5) vào sổ cái TK 511 ( biểu số 6)

**Biểu số 1:** hóa đơn GTGT 0001922**HOÁ ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:01GTKT3/002

Ký hiệu: HH/16P

Liên 3: nội bộ

Số: 0001922

**Ngày 04 tháng 12 năm 2018**

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng

Địa chỉ: Số 1, Lô 6, Khu tập thể PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng

Số tài khoản: 2100201333735

Điện thoại 0225 3804 985:

MST:0200671615

Họ tên người mua hàng: Dương Xuân Thành

Tên đơn vị: Đại lý nước giải khát TT

Địa chỉ:Số 275 Trần Nguyên Hãn ,HP

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: CK.....Mã số thuế:

0	2	0	0	6	7	1	6	1	5			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Gạch lát nền S100	Thùng	100	124.182	12.418.200
02	Gạch ốp chân tường J70	Thùng	50	109.636	5.481.800
		Cộng tiền hàng:			17.900.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.790.000
		Tổng cộng tiền thanh toán			19.690.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đóng dấu

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu)

**Ví dụ 2:** Bán cho đại lý Phương Vỹ 50 thùng Gạch lát nền S100 đơn giá 124.182đ/thùng chưa VAT theo HĐGTGT 00001930, thanh toán ngay bằng tiền mặt

Định khoản:

Nợ TK 111: 6.830.010

Có TK 511: 6.209.100

Có TK 3331: 620.910

- Từ HĐ GTGT ghi sổ số 1930 ( biểu số 2) phiếu thu số 1/Q1 ( biểu số 3) kế toán vào sổ Nhật kí chung ( biểu số 5) và sổ cái 511 ( biểu số 6)

**Biểu số 2:** hóa đơn GTGT 00001930**HOÁ ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: nội bộ

Ngày 11 tháng 12 năm 2018

Mẫu số:01GTKT3/002

Ký hiệu: HH/18P

Số: 00001930

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng

Địa chỉ: Số 1, Lô 6, Khu tập thể PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng

Số tài khoản: 2100201333735

Điện thoại 0225 3804 985:

MST:0200671615

Họ tên người mua hàng: Lưu Phương Vỹ

Tên đơn vị: Đại lý nước giải khát Phương Vỹ

Địa chỉ:Số 27 Trần Nguyên Hãn ,HP

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: TM.....Mã số thuế:

0	2	0	0	4	7	8	4	2	2			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Gạch lát nền S100	Thùng	50	124.182	6.209.100
Cộng tiền hàng:					6.209.100
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			620.910
Tổng cộng tiền thanh toán					6.830.010

Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)Thủ trưởng đóng dấu  
(Ký, đóng dấu)

**Biểu số 3: Phiếu thu số 1/Q1****Đơn vị :** Công Ty cổ phần**Mẫu số 01- TT**

Đầu tư Hồng Bàng

*(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu tập thể PG, An Đông, An Dương, Hải Phòng*ngày 26/08/2016 của BTC)***PHIẾU THU****Số 1/Q4**

Ngày 11/12/2018

Họ và tên người nộp tiền: Lưu Phương Vỹ

Địa chỉ: 27 Trần Nguyên Hãn, TP Hải Phòng

Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng

Số tiền: 6.830.010

(Viết bằng chữ): Sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn không trăm mười đồng

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 12 năm 2018

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn không trăm mười đồng



**Ví dụ 3:**

Ngày 15/12, xuất 50 thùng Gạch ốp chân tường J70 với đơn giá 109.636/thùng(chưa VAT) theo HĐGTGT số 0001941 cho đại lý Hồng Hạnh , thanh toán bằng chuyển khoản.

Định khoản:

Nợ TK 112: 6.029.980

Có TK 511 : 5.481.800

Có TK 3331: 548.180

- Từ HĐ GTGT ghi sổ số 1941 ( biểu số 4) kế toán ghi sổ nhật kí chung ( biểu số 5) và sổ cái 511( biểu số 6).

**Biểu số 4:** Hóa đơn số 1941**HOÁ ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:01GTKT3/002

Ký hiệu: HH/16P

Liên 3: nội bộ

Số: 0001941

**Ngày 15 tháng 12 năm 2018**

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng

Địa chỉ: Số 1, Lô 6, Khu tập thể PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng

Số tài khoản: 2100201333735

Điện thoại: 0225 3804 985 MST:0200671615

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Đại lý Hồng Hạnh

Địa chỉ:Số 236 Trần Nguyên Hãn ,HP

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: CK.....Mã số thuế:

0	2	0	0	9	3	4	5	7	5			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Gạch ốp chân tường J70	Thùng	50	109.636	5.481.800
		Cộng tiền hàng:			5.481.800
	Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT:			548.180
		Tổng cộng tiền thanh toán			6.029.980

Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu không trăm hai mươi chín nghìn chín trăm tám mươi đồng

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)Thủ trưởng đóng dấu  
(Ký, đóng dấu)

**Biểu số 5: Trích Nhật ký chung :****Đơn vị :** Công ty cổ phần

Mẫu số S03a - DNN

Đầu tư Hồng Bàng

*(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng  
*BTC)**ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng***NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2018

Đơn vị tính : Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Nợ/Có	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4
...	.....	...	....	....	....	...
04/12	HD 1922	4/12	Bán 100 thùng Gạch lát nền S100 , 50 thùng Gạch ốp chân tường J70 cho đại lý nước giải khát TT	131 511 3331	19.690.000	17.900.000 1.790.000
....	....	....	....	....	....	....
11/12	HD 1930	11/12	Bán 50 thùng Gạch lát nền S100 cho đại lý phượng vĩ	111 511 3331	6.830.010	6.209.100 620.910
....	....	....	....	....	....	....
15/12	HD 1941	15/12	Bán 50 thùng Gạch ốp chân tường J70 cho đại lý Hồng Hạnh	112 511 3331	6.029.980	5.481.800 548.180
....	....	....	....	....	....	....
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>200.534.657.900</b>	<b>200.534.657.900</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)***Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)***Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Biểu số 6: ( Trích sổ cái năm 2018 )****Đơn vị :** Công ty Cổ phần**Mẫu số S03b - DNN**

Đầu tư Hồng Bàng

*( Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng  *ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***SỔ CÁI****Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Số hiệu tài khoản : 511**

Năm 2018

*Đơn vị tính : Đồng*

Ngày , tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
4/12	HĐ 1922	4/12	Bán 100 thùng Gạch lát nền S100 , 50 thùng Gạch ốp chân tường J70 cho đại lý TT	131		17.900.000
...	....	....	....	....	....	....
11/12	HĐ 1930	11/12	Bán 50 thùng Gạch lát nền S100 cho đại lý phượng vĩ	111		6.209.100
....	....	....	....	....	....	....
15/12	HĐ 1941	15/12	Bán 50 thùng Gạch ốp chân tường J70 cho đại lý Hồng Hạnh	112		5.481.800
...	...	...	...	...	....	....
31/12	PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu thu nhập	911	33.357.341.397	
			<b>Cộng lũy kể từ đầu năm</b>		<b>33.357.341.397</b>	<b>33.357.341.397</b>

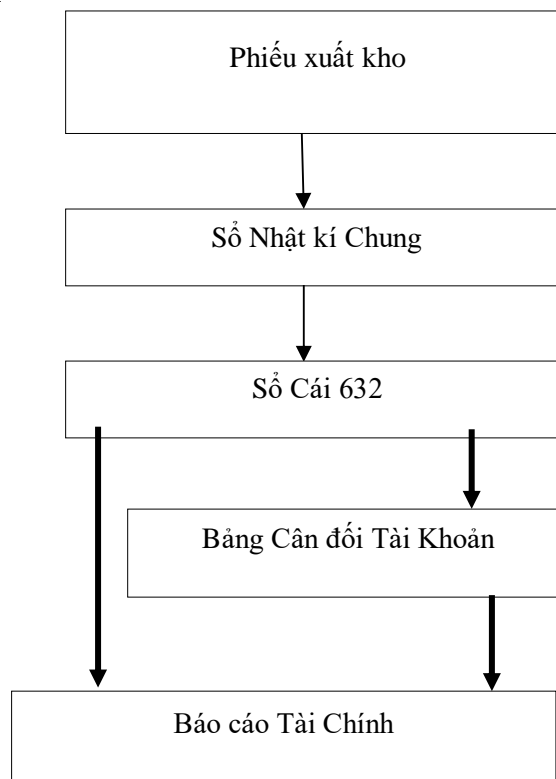
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ***(Ký, họ tên, đóng dấu)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên, đóng dấu)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

## 2.2.2: Nội dung hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng

- Chứng từ sử dụng:
  - + Phiếu kế xuất kho
- Tài khóa sử dụng:
  - + Tài khoản 632: giá vốn hàng bán
- Sổ sách sử dụng:
  - + Sổ nhật ký chung
  - + Sổ cái TK 632
- Cách tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Trình tự hạch toán



**Ghi chú:** Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ







**Biểu số 7 : Phiếu xuất kho****Đơn vị :** Công Ty cổ phần**Mẫu số 02- VT**

Đầu tư Hồng Bàng

*(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng*ngày 26/08/2016 của BTC)***PHIẾU XUẤT KHO****Số 1311****Ngày 04 tháng 12 năm 2018**

Họ và tên người nhận hàng:

Công ty/Bộ phận: Bộ phận kiểm soát hàng Địa chỉ:

Lý do xuất: Xuất bán hàng cho khách

Xuất tại kho: kho Công ty Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạch lát nền S100	S100	thùng	100	100	120.000	12.000.000
2	Gạch ốp chân tường J70	J0	thùng	50	50	100.000	5.000.000
	Tổng cộng			150	150		17.000.000

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười bảy triệu chín trăm nghìn đồng

-Số chứng từ kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 04 tháng 12 năm 2018

Người lập phiếu

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc



**Ví dụ 6:** Tiếp VD2

Ngày 11/12, bán cho đại lý Phương Vỹ 50 thùng Gạch lát nền S100 đơn giá 124.182đ chưa VAT theo HĐGTGT 0000694, thanh toán ngay bằng tiền mặt, giá vốn Gạch lát nền S100 120.000đ/thùng.

Định khoản:

Nợ 632	6.000.000
Có 156	6.000.000

\_ Từ phiếu xuất kho 1321( biểu số 8) kế toán vào sổ Nhật kí chung ( biểu số 10) vào sổ cái TK 632 ( biểu số 11)

**Biểu số 8 : Phiếu xuất kho****Đơn vị :** Công Ty cổ phần**Mẫu số 02- VT**

Đầu tư Hồng Bàng

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC

**Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng

ngày 26/08/2016 của BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO****Số: 1321****Ngày 11 tháng 12 năm 2018**

Họ và tên người nhận hàng: Lưu Phương Vỹ

Công ty/Bộ phận: Bộ phận kiểm soát hàng

Lý do xuất: Xuất bán

Xuất tại kho: kho Công ty Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạch lát nền S100	S100	thùng	50	50	120.000	6.000.000
	Tổng cộng			50	50		

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Sáu triệu hai trăm linh chín nghìn một trăm đồng

-Số chứng từ kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 12 năm 2018

Người lập phiếu

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Ví dụ 7:**Tiếp VD3:

Ngày 15/12, xuất 50 thùng Gạch ốp chân tường J70 với đơn giá 109.636/thùng(chưa VAT) theo HĐGTGT số 0001989 cho đại lý Hồng Hạnh , đã thanh toán bằng chuyển khoản, biết giá vốn Gạch ốp chân tường J70 100.000đ/thùng.

Định khoản:

Nợ 632	5.000.000
Có 156	5.000.000

\_ Từ phiếu xuất kho 1328( biểu số 9) kế toán vào sổ Nhật kí chung ( biểu số 10) vào sổ cái TK 632 ( biểu số 11)

**Biểu số 9: Phiếu xuất kho****Đơn vị :** Công ty cổ phần**Mẫu số 02 -VT**

Đầu tư Hồng Bàng

*( Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng  *ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***PHIẾU XUẤT KHO****Số 1328****Ngày 15 tháng 12 năm 2018**

Họ và tên người nhận hàng: Vũ Hồng Hạnh

Công ty/Bộ phận: Bộ phận kiểm soát hàng

Lý do xuất: Xuất bán

Xuất tại kho: kho Công ty Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạch ốp chân tường J70	J70	thùng	50	50	100.000	5.000.000
	Tổng cộng			50	50		

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm triệu bốn trăm tám mươi một nghìn tám trăm đồng

-Số chứng từ kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2018

Người lập phiếu

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu số 10: Trích sổ Nhật ký chung****Đơn vị :** Công ty cổ phần**Mẫu số S03a - DNN**

Đầu tư Hồng Bàng

*( Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng  *ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2018

*Đơn vị tính : Đồng*

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chứng từ		Diễn giải	TK Nợ/Có	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
B	C	D	2	3	4
.....	...	.....	....	....	...
PXK 1311	4/12	Xuất kho Gạch lát nền S100 và Gạch ốp chân tường J70	632	17.000.000	
		cho ông Thành	156		17.000.000
PXK 1321	11/12	Xuất kho Gạch lát nền S100 đại lý	632	6.000.000	
		Phượng Vĩ	156		6.000.000
PXK 1328	15/12	Xuất kho Gạch ốp chân tường J70 đại	632	5.000.000	
		lý Hồng Hạnh	156		5.000.000
....	....	....	....	....	....
		<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		200.534.657.900	200.534.657.900

**Người ghi sổ****Kê toán trưởng****Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Biểu số 11:** ( Trích sổ cái năm 2018 )**Đơn vị :** Công ty cổ phần**Mẫu số S03b - DNN**

Đầu tư Hồng Bàng

( Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

**Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)**SỔ CÁI****Tên tài khoản :** Giá vốn hàng bán**Số hiệu tài khoản :** 632

Năm 2018

Đơn vị tính : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
B	C	B	1	2	3
		<b>Số dư đầu kỳ</b>			
		Số phát sinh			
PXK 1311	4/12	Bán 100 thùng Gạch lát nền S100 , 50 thùng Gạch ốp chân tường J70 cho đại lý TT	156	17.000.000	
PXK 1321	11/12	Bán 50 thùng Gạch lát nền S100 cho đại lý phượng vĩ	156	6.000.000	
PXK 1328	15/12	Bán 50 thùng Gạch ốp chân tường J70 cho đại lý Hồng Hạnh	156	5.000.000	
....	....	....	....	....	....
PKT30	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		30.448.537.000
		<b>Cộng lũy kể từ đầu năm</b>		<b>30.448.537.000</b>	<b>30.448.537.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

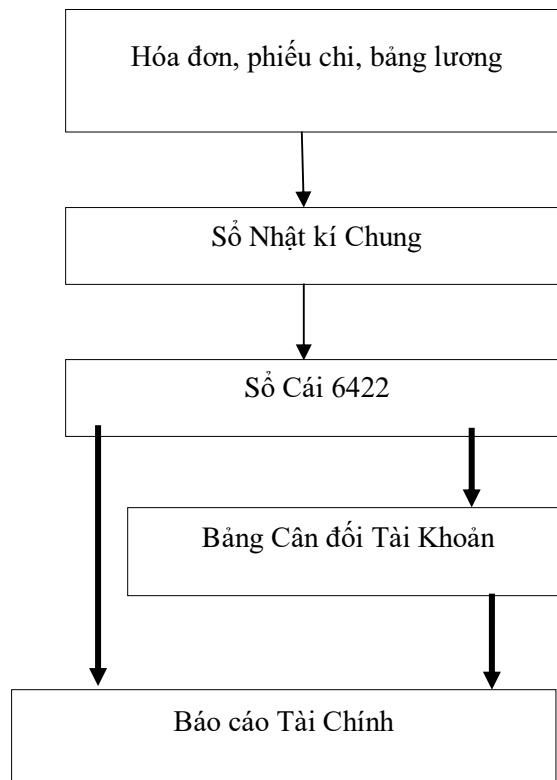
Kế toán trưởng

Giám đốc

**2.2.3: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

- Chứng từ sử dụng:
  - + Hóa đơn GTGT
  - + Phiếu chi...
  - + Bảng thanh toán lương
- Tài khoản sử dụng:
  - + Tài khoản 6422: Chi phí quản lý công ty
- Sổ sách sử dụng:
  - + Sổ nhật ký chung
  - + Sổ cái TK 6422

Trình tự hạch toán



**Ghi chú:** Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ →

**Ví dụ 7:**

Ngày 11/12, Công ty thanh toán sửa chữa máy photocopy và máy Fax phục vụ ở bộ phận hành chính cho công ty cổ phần phát triển TM&DV Đỗ Gia

Định khoản:

Nợ TK 6422: 1.000.000

Nợ TK 133: 100.000

Có TK 111: 1.100.000

\_ Từ HĐ GTGT số 1935 ( biểu số 12) và phiếu chi( biểu số 13) kế toán vào sổ Nhật kí chung ( biểu số 16) vào sổ cái TK 642 ( biểu số 17)



**Biểu số 12: HDGTGT****HOÁ ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:01GTKT3/002

Ký hiệu: HH/16P

Số: 00001935

Liên 2: Giao cho Khách hàng

**Ngày 11 tháng 12 năm 2018**

Đơn vị bán hàng: Công ty CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐỒ GIA

Địa chỉ: Số 116 Cát Bi, Q.Hải An, HP

Số tài khoản:

Điện thoại:3.588.295

MST:0201310065

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng

Địa chỉ: Số 1, Lô 6, Khu tập thể PG, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: CK.....Mã số thuế:

0	2	0	0	6	7	1	6	1	5			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Thanh toán sửa chữa máy photo và máy fax				1.000.000
		Cộng tiền hàng:			1.000.000
	Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT:			100.000
		Tổng cộng tiền thanh toán			1.100.000

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu một trăm nghìn đồng

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)Thủ trưởng đóng dấu  
(Ký, đóng dấu)

**Biểu số 13: Phiếu chi**

**Đơn vị :** Công Ty CỔ PHẦN

**Mẫu số 01- TT**

Đầu tư Hồng Bàng

*(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC*

**Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng *ngày 26/08/2016 của BTC)*

**PHIẾU CHI**

Ngày 11/12/2018

Họ và tên người nhận tiền: Lê Tuấn Anh

Địa chỉ: Công ty cổ phần Phát triển thương mại và dịch vụ Đỗ Gia

Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng

Số tiền: 1.100.000

(Viết bằng chữ): Một triệu một trăm nghìn đồng

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 12 năm 2018

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu một trăm nghìn đồng

**Ví dụ 8:**

Ngày 15/12, Công ty mua văn phòng phẩm theo HĐGTGT số 0000201 ngày 15/12/2018 nhằm phục vụ bộ phận văn phòng quản lý của công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Minh Huy

Định khoản:

Nợ TK 6422: 1.340.000

Nợ TK 133: 134.000

Có TK 111: 1.474.000

\_ Từ HĐ GTGT số 201 ( biểu số 14) và phiếu chi( biểu số 15) kế toán vào sổ Nhật kí chung ( biểu số 16) vào sổ cái TK 642 ( biểu số 17)

**Biểu số 14: HD GTGT 00001936****HOÁ ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:01GTKT3/002

Ký hiệu: HH/16P

Số: 0000201

Liên 2: Giao cho Khách hàng

**Ngày 15 tháng 12 năm 2018**

Đơn vị bán hàng: Công ty CỔ PHẦN TM VÀ DỊCH VỤ MINH HUY

Địa chỉ: Số 14 lô 22 , Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, HP

Số tài khoản:

Điện thoại:3.830.327

MST: 0200562846

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng

**Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng

Số tài khoản:.....

0	2	0	0	6	7	1	6	1	5			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Hình thức thanh toán: Tiền mặt.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Giấy Plus	Bịch	10	52.000	520.000
02	Bút bi	Bịch	10	57.000	570.000
03	Mực dầu	Bịch	2	125.000	250.000
Cộng tiền hàng:					1.340.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			134.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.474.000

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu bốn trăm bảy mươi tư nghìn đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đóng dấu

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu)

**Biểu số 15: Phiếu chi**

**Đơn vị :** Công Ty cổ phần

**Mẫu số 01- TT**

Đầu tư Hồng Bàng

*(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC*

**Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng

*ngày 26/08/2016 của BTC)*

**PHIẾU CHI**

Ngày 15/12/2018

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Phương Nhung

Địa chỉ: Công ty CỔ PHẦN TM và DV MINH HUY

Lý do nộp: Mua văn phòng phẩm

Số tiền: 1.474.000

(Viết bằng chữ): Một triệu bốn trăm bảy mươi tu nghìn đồng

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2018

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu bốn trăm bảy mươi tu nghìn đồng

**Biểu số 16: Trích sổ Nhật ký chung****Đơn vị :** Công ty cổ phần**Mẫu số S03a - DNN**

Đầu tư Hồng Bàng

*( Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng  *ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***NHẬT KÝ CHUNG****Năm 2018**

Năm 2018

Đơn vị tính : Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Nợ/Có	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4
...	....	...	....	....	....	...
11/12	PC11/12	08/12	Sửa máy photocopy và máy fax của Công ty CỔ PHẦN phát triển và dịch vụ thương mại Đỗ Gia	6422	1.000.000	
				133	100.000	
				111		1.100.000
....	....	....	....	....	....	....
15/12	PC15/12	24/12	Mua văn phòng phẩm của Công ty Minh Huy	6422	1.340.000	
				133	134.000	
				111		1.474.000
....	....	....	....	....	....	....
....	....	....	....	....	....	....
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>200.534.657.900</b>	<b>200.534.657.900</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ***(Ký, họ tên, đóng dấu)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên, đóng dấu)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Biểu số 17:****Đơn vị :** Công ty cổ phần**Mẫu số S03b - DNN**

Đầu tư Hồng Bàng

*( Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng  
(BTC)*ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng***SỔ CÁI****TÊN TK: CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY****SỐ HIỆU: 6422**

Năm 2018

*Đơn vị tính : Đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTKĐ U'	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4
...	.....	...	....	....	....	...
8/1	PC11/12	8/1	Sửa máy photo và máy fax	111	1.000.000	
....	....	....	....	....	....	.....
15/12	PC15/12	15/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	1.340.000	
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển chi phí	911		1.826.395.201
....	....	....	....	....	....	....
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		1.826.395.201	1.826.395.201

### 2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính tại Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng.

- Chứng từ sử dụng.

- + Giấy báo nợ.
- + Giấy báo có.
- + Ủy nhiệm thu.
- + Ủy nhiệm chi.

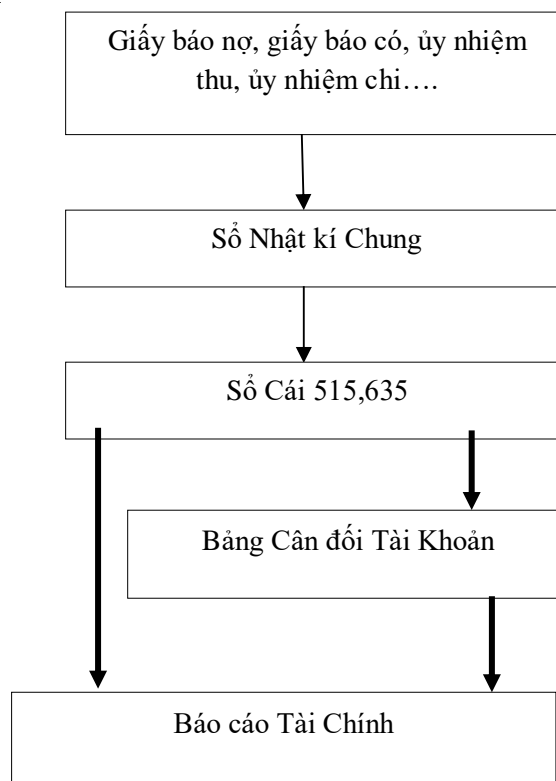
- Tài khoản sử dụng:

- + TK 515: “ Doanh thu Tài chính”
- + TK 635: “ Chi phí tài chính”

- Ghi sổ theo hình thức:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 515, 635,...

Trình tự hạch toán



**Ghi chú:** Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ →



**Ví dụ 9:** Ngày 31/12 , Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng nhận được lãi tiền gửi của ngân hàng Techcombank với số tiền 329.490 đồng bằng chuyển khoản.

Định khoản:

Nợ TK 112: 329.490

Có TK 515: 329.490

\_ Từ Giấy báo có ( biểu số 18) kế toán vào sổ Nhật kí chung ( biểu số 19)  
vào sổ cái TK 515 ( biểu số 20)

**Biểu số 18: Giấy báo có của ngân hàng**Ngân hàng TMCP Kỹ thương  
Việt Nam

Chi nhánh : TCB- Hải Phòng

MST: 0100230800

Số giao dịch:  
FT163666000093003

MÃ SỐ: 01GTKT2/003

Ký hiệu: AA/ 16T

Số: 17728857523345.000002

**PHIẾU BÁO CÓ**Tên tổ chức: **CONG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HỒNG BÀNG**

MST: 0200681236

**Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Người chuyển tiền:

Người nhận tiền

Tên tài khoản: VND-Ngân hàng  
TechcombankTên tài khoản: VND-TGTT-CTY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ HỒNG BÀNG

Số tài khoản: 10200215600268

Số tài khoản: 10920629999019

Tại ngân hàng: Techcombank

Tại Ngân hàng: Techcombank

Nội dung

Số tiền

Chuyen khoan

329.490.00

Phi

0.00

Thuế VAT

0.00

Tổng phí+ thuế VAT

0.00

Tổng số tiền

329.490.00

Loại tiền:

VND

Số tiền bằng chữ: ( Ba trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi đồng)

Ngày giá trị: 31/12/2018

Chi tiết CT CỔ PHẦN HONG BANG NHAN TIEN LAI

Lập phiếu

Kiểm soát

Trưởng phòng kế toán

*Phiếu này được in từ dịch vụ ngân hàng điện tử của Techcombank*

**Biểu số 19: Trích sổ nhật ký chung****Đơn vị :** Công ty cổ phần**Mẫu số S03a - DNN**

Đầu tư Hồng Bàng

*( Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng  *ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***NHẬT KÝ CHUNG****Năm 2018**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Nợ/Có	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4
...	.....	...	....	....	....	...
11/12	PC11/12	08/12	Sửa máy photocopy và máy fax của Công ty CỔ PHẦN phát triển và dịch vụ thương mại Đỗ Gia	642	1.000.000	
				133	100.000	
				111		1.100.000
....	....	....	....	....	....	....
15/12	PC15/12	24/12	Mua văn phòng phẩm của Công ty Minh Huy	642	1.340.000	
				133	134.000	
				111		1.474.000
....	....	....	....	....	....	....
31/12	GBC	31/12	<b>Nhận lãi vay của TECHCOMBANK</b>	<b>112</b>	<b>329.490</b>	
				<b>515</b>		<b>329.490</b>
....	....	....	....	....	....	....
			<b>Cộng lũy kế từ đầu năm</b>		<b>200.534.657.900</b>	<b>200.534.657.900</b>

Năm 2018

*Đơn vị tính : Đồng*

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ***(Ký, họ tên, đóng dấu)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên, đóng dấu)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Biểu số 20: Trích sổ cái TK 515****Đơn vị :** Công ty CỔ PHẦN**Mẫu số S03b - DNN**

Đầu tư Hồng Bàng

*( Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng  *ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***TRÍCH SỔ CÁI****Tháng 12 năm 2018****Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính****Số hiệu: 515**

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	GBC	31/12	Nhận lãi tiền gửi	112		329.490
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển doanh thu thu nhập	911	8.927.306	
			Cộng lũy kế từ đầu năm		8.927.306	8.927.306
			Số dư cuối năm			

- Trong năm tại Công ty không phát sinh chi phí hoạt động tài chính

## 2.2.5: Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng

Cuối năm kế toán xác định kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

- Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán
- Tài khoản sử dụng:
  - + TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
  - + TK 812: Chi phí thuế thu nhập công ty
  - + TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

\_ Từ các phiếu kế toán ( biểu số 21,22,23,24,25) kế toán vào sổ Nhật kí chung ( biểu số 26) vào sổ cái TK 911 ( biểu số 27)

\* Ví dụ 1: Ngày 31/12 kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh năm 2018

### Biểu số 21: Phiếu kế toán số 01

Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng

**Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số 01

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	33.357.341.397
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	8.927.306
	Cộng			33.366.268.703

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 22: Phiếu kế toán số 02**

Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng

**Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 02

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	30.448.537.000
2	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	1.826.395.201
	<b>Cộng</b>			<b>32.274.932.201</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 23: Phiếu kế toán số 03**

Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng

**Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 03

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN	821	3334	218.267.300
	<b>Cộng</b>			<b>218.267.300</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 24: Phiếu kế toán số 04**

Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng

Địa chỉ: Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đông, An Dương, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 04

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	218.267.300
	Cộng			<b>218.267.300</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 25: Phiếu kế toán số 05**

Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng

Địa chỉ: Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đông, An Dương, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 05

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	837.069.202
	Cộng			<b>837.069.202</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 26: Sổ nhật kí chung****Đơn vị :** Công ty cổ phần**Mẫu số S03a - DNN**

Đầu tư Hồng Bàng

*( Ban hành theo TT số 133/2016/TT-**BTC***Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng *ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***SỔ NHẬT KÍ CHUNG****Năm 2018****Đơn vị tính: VNĐ**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	....
31/12	PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính,	511	33.357.341.397	
				515	8.927.306	
				911		33.366.268.703
31/12	PKT02	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.	911	32.274.932.201	
				632		30.448.537.000
				642		1.826.395.201
31/12	PKT03	31/12	Xác định thuế TNDN	821	218.267.300	
				3334		218.267.300
31/12	PKT04	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	218.267.300	
				821		218.267.300
31/12	PKT05	31/12	Kết chuyển kết quả kinh doanh	911	837.069.202	
				421		837.069.202
			<b>Tổng cộng</b>		<b>200.534.657.900</b>	<b>200.534.657.900</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ****Kế toán trưởng****Giám đốc***( Ký, họ tên )**( Ký, họ tên )**( Ký, họ tên, đóng dấu )*





**Biểu số 27: Trích sổ cái TK 911****Đơn vị :** Công ty cổ phần**Mẫu số S03b - DNN**

Đầu tư Hồng Bàng

*( Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)**SỔ CÁI TÀI KHOẢN****911 - Xác định kết quả kinh doanh****Năm 2018****Đơn vị tính: VND**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
31/12	PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		33.375.341.397
31/12	PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		8.927.306
31/12	PKT02	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	30.448.537.000	
31/12	PKT02	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	642	1.826.395.201	
31/12	PKT03	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	218.267.300	
31/12	PKT05	31/12	Kết chuyển kết quả kinh doanh	421	837.069.202	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		33.366.268.703	33.366.268.703
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Từ các công thức trên và số liệu được tổng hợp, kế toán tính và xác định kết quả kinh doanh, kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng năm 2018:

**Biểu số 28: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng****Địa chỉ: Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đồng, An Dương, Hải Phòng****Năm 2018**

Đơn vị tính: VND

HẠNG MỤC	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	33.357.341.397	31.217.238.691
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)</b>	<b>10</b>		33.357.341.397	31.217.238.691
4. Giá vốn hàng bán	11		30.448.537.000	29.110.372.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		<b>2.908.804.397</b>	<b>2.106.866.691</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		8.927.306	3.284.048
7. Chi phí tài chính	22		-	210.141.426
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	210.141.426
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.826.395.201	992.381.370
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 – 22 – 24}</b>	<b>30</b>		<b>1.091.336.502</b>	<b>507.627.943</b>
10. Thu nhập khác	31		-	
11. Chi phí khác	32		-	
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		-	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		<b>1.091.336.502</b>	<b>507.627.943</b>
14. Chi phí thuế TNDN	51		218.267.300	101.525.589
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập công ty (60 = 50 – 51 – 52)	60		<b>873.069.202</b>	<b>409.102.354</b>

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2018

**CHƯƠNG 3.****MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HỒNG BÀNG****3.1. Đánh giá thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng.****3.1.1. Kết quả đạt được trong công tác kế toán tại Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng**

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng. Bởi vì việc hạch toán này phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của Công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin giúp cho ban lãnh đạo có những quyết định vào kinh doanh tốt nhất và có chiến lược kịp thời đúng đắn.

Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng là một doanh nghiệp lâu năm, trong quá trình phát triển ban lãnh đạo của Công ty đã đi tìm cho mình hướng đi phù hợp với khả năng đa dạng sản phẩm. Để có những kết quả như hiện nay Công ty đã xây dựng bộ máy quản lý khoa học và chặt chẽ.

Qua thời gian thực tập tại Công ty, em nhận thấy tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty đã đạt được những kết quả sau:

**3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán:**

- Bộ máy kế toán của một doanh nghiệp là tập hợp những người làm kế toán tại doanh nghiệp cùng với các phương tiện trang thiết bị dùng để ghi chép, tính toán xử lý toàn bộ thông tin liên quan đến công tác kế toán tại doanh nghiệp từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý đến khâu tổng hợp, cung cấp những thông tin kinh tế về các hoạt động của đơn vị.

- Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung mà toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp được tiến hành tập trung tại phòng kế toán doanh nghiệp. Ưu điểm:

Là tạo điều kiện thuận lợi để vận dụng các phương tiện kỹ thuật tính toán hiện đại, bộ máy kế toán ít nhân viên nhưng đảm bảo được việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời cho việc quản lý và chỉ đạo sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Bộ phận kế toán của Công ty có 4 người bao gồm một kế toán trưởng, kiêm kế toán tổng hợp, một kế toán vốn bằng tiền, một kế toán công nợ, một kế toán TSCĐ, HTK kiêm Thủ quỹ rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại Công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao (Trình độ từ ĐH trở lên) giúp cho công tác kế toán tại Công ty được thực hiện kịp thời và chính xác.

- Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời nên việc đối chiếu, kiểm tra số liệu với bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

### 3.1.1.2 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Về chứng từ kế toán và tài khoản sử dụng:
  - Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, dùng với mẫu do bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ nhanh chóng kịp thời.
  - Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ.
  - Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:
    - Công ty mở đầy đủ sổ sách theo hình thức Nhật kí chung (Sổ nhật kí chung, Sổ cái, Sổ chi tiết....)
    - Công ty áp dụng theo hình thức kế toán nhật kí chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, dễ dàng cho việc theo dõi kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách liên quan.

Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty:

+ ) Về hạch toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được ghi nhận đầy đủ và kịp thời đảm bảo chính xác với nguyên tắc ghi nhận doanh thu chi phí.

+ ) Về hạch toán chi phí: Các chi phí phát sinh như quản lý kinh doanh được hạch toán đầy đủ và kịp thời

+ ) Về hạch toán xác định kết quả kinh doanh: Cuối năm, Công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

### **3.1.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tại Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng**

Ngoài những ưu điểm kê trên, công tác kế toán bán hàng tại Công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

*Thứ nhất, về hệ thống sổ sách hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán:* Hiện tại, về việc hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán, kế toán chỉ sử dụng 2 sổ cái TK 511 và sổ cái TK632 mà không sử dụng các sổ chi tiết phục vụ cho các tài khoản này.

Do đó việc hạch toán doanh thu chưa thật chi tiết và chưa phản ánh được doanh thu và giá vốn của từng loại mặt hàng. Điều này sẽ làm cho Ban giám đốc dễ bị nhầm lẫn, từ đó Ban giám đốc sẽ không đưa ra được nhiều định hướng và các biện pháp kinh tế đúng đắn nhằm cân đối giữa các mặt hàng do Công ty cung cấp, nhằm tối đa hoá lợi nhuận ..

*Thứ hai, về việc chưa xây dựng chính sách về chiết khấu thương mại cho khách hàng mua số lượng lớn*

*Thứ ba về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán:* Hiện nay, việc ghi chép kế toán ở Công ty còn thủ công nên vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như mất thời gian, dễ gây nhầm lẫn, sai sót, không hiệu quả...chính vì thế mà Báo cáo tài chính của Công ty đôi khi chậm trễ về thời gian, khi có sai sót thì khó phát hiện ra.

## **3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng**

### **3.2.1 Mở thêm sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.**

Hiện tại, Công ty đang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực là kinh doanh buôn bán các thiết bị khác trong xây dựng. Vì vậy, Công ty cũng nên mở sổ chi tiết doanh thu bán hàng và sổ chi tiết hàng bán theo từng lĩnh vực.

Tác dụng của việc mở các sổ chi tiết cho các tài khoản 511 và 632:

+ Giúp phân biệt được từng loại doanh thu cũng như giá vốn, điều này giúp các nhà quản lý đánh giá được hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nào có hiệu quả, từ đó có các chính sách, biện pháp nên tăng doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào và nên giảm doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào. Từ đó các nhà lãnh đạo sẽ mở rộng đầu tư máy móc thiết bị phục vụ cho quá trình cung cấp hàng hoá, dịch vụ nhằm thu được hiệu quả kinh tế cao nhất.

+ Giúp cho nhà quản lý xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ cho từng loại sản phẩm hàng hóa.

Dưới đây là hai mẫu sổ chi tiết gồm Sổ chi tiết doanh thu và Sổ chi tiết GVHB dùng cho hoạt động kinh doanh nước giải khát.

**Biểu số 29: Sổ chi tiết bán hàng**

Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng

**Địa chỉ:** Số 1, Lô 6, Khu PG, An Đông, An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S17 - DNN**(Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC  
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**  
**Tên sản phẩm: Gạch lát nền S100****Năm 2018***Đơn vị tính: thùng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số Lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Thuế	Khác
...	...	...	...	...	...	...			
11/12	PT11/12	13/12	Gạch lát nền S100	131	100	124.182	12.418.200		
...	...	...	...	....	....	...			
			Cộng số phát sinh				286.239.510		
			Doanh thu thuần				286.239.510		
...	...	...	Giá vốn hàng bán				230.500.000		
			Lãi gộp				55.739.510		

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)





### 3.2.2 Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều Công ty bán điều này cho thấy tính cạnh tranh trên thị trường là rất cao buộc Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng phải có những chính sách bán hàng đúng đắn, thích hợp nhằm thu hút khách hàng cũng như nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường. Trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng em nhận thấy rằng công ty chưa có những chính sách bán hàng như chiết khấu thương mại vì vậy công ty nên đưa vào nhằm thu hút khách hàng.

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của công ty cùng ngành.
- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của công ty.

#### ***Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại***

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng lần cuối. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào TK 511. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 5211.

**TH1: Người mua hàng với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm**

**VD1:** Ngày 22/12/2018 Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng có chương trình chiết khấu thương mại từ ngày 22/12/2018 đến 31/12/2018 như sau: Mua 200 thùng gạch các loại ( giá chưa thuế) sẽ được hưởng CKTM là 10%

Ngày 25/12/2018 tổng đại lý bán hàng tại Chung Chiến mua 200 thùng gạch ốp chân tường J80 theo hợp đồng thì được hưởng chiết khấu 10%

- Giá bán chưa thuế :  $174.400 - 17.440 = 156.960$

\* Định khoản:

Nợ TK 112: 34.531.200

Có TK 511: 31.392.000

Có TK 3331: 3.139.200

**TH2: Người mua nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản CKTM này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng**

**VD2:** Ngày 20/12/2018 Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng ký hợp đồng với Công ty cổ phần Minh Lan: Mua 200 thùng J80 trị giá 174.400đ/ thùng( giá chưa thuế, CKTM 10%)

Ngày 20/12/2018 Công ty cổ phần Minh Lan mua 100 thùng gạch ốp chân tường J80( Lần mua hàng này chưa đủ số lượng của chương trình chiết khấu, Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng vẫn xuất hóa đơn cho Công Ty cổ phần Minh Lan với giá 174.400đ/thùng

Ngày 25/12/2018 Công ty mua thêm 100 thùng J80(Lần mua hàng này tính tổng lượng hàng công ty cổ phần Minh Lan đã mua đủ 200 thùng, như vậy Công ty cổ phần Minh Lan được hưởng CKTM 10%)

- Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng viết hóa đơn lần cuối cùng sẽ trừ phần CKTM 10% của toàn bộ hợp đồng

Tổng tiền chiết khấu là:  $10 * 174.400 * 10\% = 174.400$

\* Định khoản:

- Ngày 20/12/2018

Nợ TK 112,131:19.184.000

Có TK 511:17.440.000

Có TK 3331: 1.744.000

- Ngày 25/12/2018

Hạch toán doanh thu bán hàng:

Nợ TK 112,131:19.184.000

Có TK 511: 17.440.000

Có TK 3331:1.744.000

Hạch toán chiết khấu thương mại:

Nợ TK 5111:34.880.000

Nợ TK 3331:3.488.000

Có TK 112.131:38.368.000

### 3.2.3 Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán.

Về việc áp dụng tin học vào kế toán trong điều kiện kỹ thuật điện toán đang có những bước phát triển nhanh chóng với nhiều thành tựu to lớn, việc sử dụng tin học vào lĩnh vực kế toán ngày càng được phổ biến và mang lại hiệu quả cao. Thực tế ở Công ty đã trang bị thiết bị máy vi tính nhưng chỉ dừng lại ở việc mở sổ sách và tính toán trên Excel làm giảm tiến độ công việc. Vì vậy, Công ty nên xem xét mua phần mềm kế toán để việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như việc quản lý số liệu được thực hiện nhanh chóng, gọn nhẹ, hiệu quả và đảm bảo chất lượng của công việc.

Một số phần mềm kế toán đang được sử dụng nhiều trên thị trường để Công ty có thể lựa chọn như: phần mềm kế toán Misa, phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING, phần mềm kế toán Smart Soft, ...

Em xin được giới thiệu một vài phần mềm phổ biến nhất:

#### PHẦN MỀM KẾ TOÁN MISA

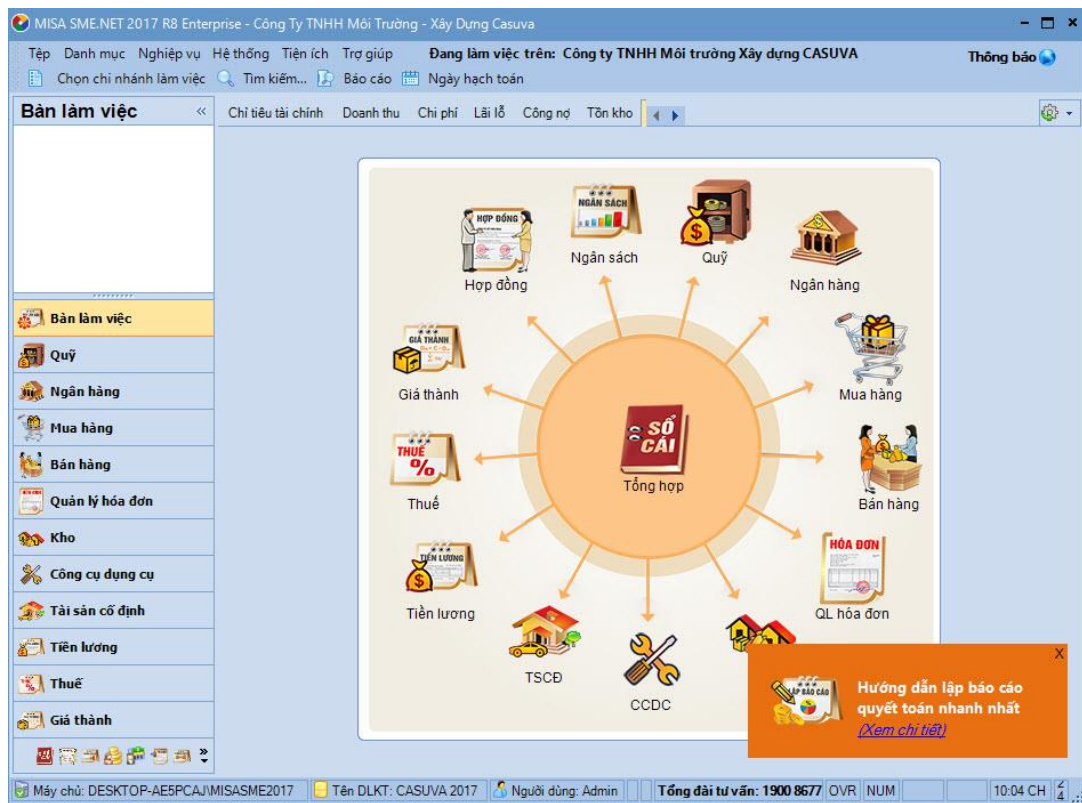
Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2018 được thiết kế dành cho các công ty vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp công ty không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình

- Tính năng:
- + Dễ dàng sử dụng
- + Cập nhật các chế độ kế toán tài chính mới nhất
- + Sử dụng rất nhiều hình ảnh nghiệp vụ, giúp cho người sử dụng dễ dàng hình dung ra được quy trình hạch toán kế toán.

Giá bán của phần mềm MISA SME.NET 2018 gói Enterprise với đầy đủ 16 phân hệ (Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp) hiện nay là: 12.950.000 đồng.

Dưới đây là hình ảnh giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2018:

## PHẦN MỀM KẾ TOÁN FAST ACCOUNTING

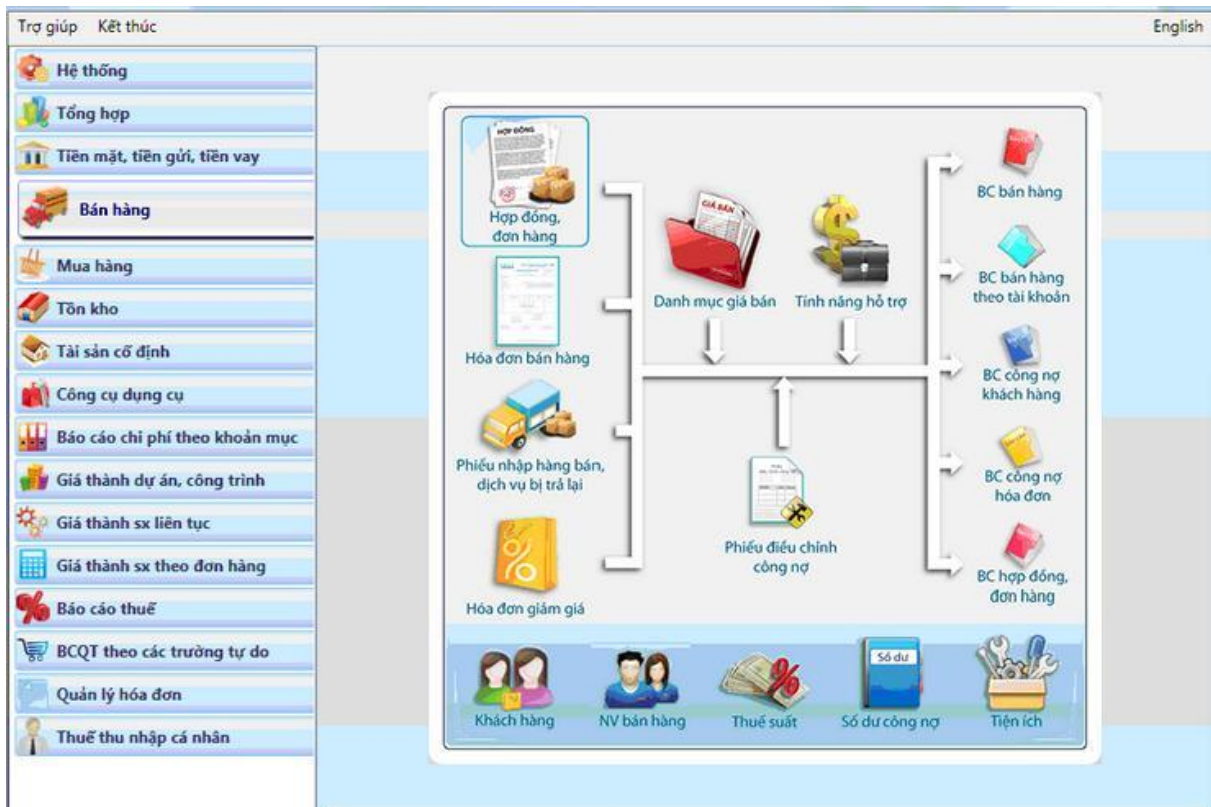


- Fast accounting là phần mềm kế toán được thiết kế dành cho các công ty vừa và nhỏ.

- Fast Accounting - Fast Accounting 11 được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Đặc biệt Fast Accounting 11 có thể chạy đồng thời dưới dạng ứng dụng windows hoặc ứng dụng web thông qua các trình duyệt phổ biến như Internet Exploer, Fire Fox, Chrome

Giá bán của phần mềm Fast Accounting 14 phân hệ là 9.900.000 đồng

Dưới đây là hình ảnh giao diện phần mềm kế toán Fast Account:



## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng tại Hải Phòng, cũng như nhận thấy được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh em đã lựa chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng”** làm đề tài khóa luận. Đề tài đã giải quyết được một số vấn đề sau:

❖ Về mặt lý luận: Đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

❖ Về mặt thực tiễn:

- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2018 tại Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng.

- Đánh giá được những ưu, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng.

### 2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã Đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng:

- Giải pháp thứ nhất: Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán
- Giải pháp thứ hai: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại
- Giải pháp thứ ba: Ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán công ty vừa và nhỏ quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán công ty vừa và nhỏ quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư Hồng Bàng, tài liệu kế toán (2018)
4. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.